

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG

QUYỂN 17 (Phần Cuối)

- NÓI VỀ TU ĐÀ HOÀN THỌ SINH NHIỀU ÍT:

Trong đây chia làm bốn môn:

1. Nói về Tu-đà-hoàn thọ thân nhiều ít.
2. Nói về nhuận hoặc phẩm số nhiều ít.
3. Nói về phiền não nhuận sinh nhiều ít.
4. Nói về đoạn hoặc tổn sinh nhiều ít.

- Thọ sinh thân bao nhiêu?

Tu-đà-hoàn có bốn hạng:

- Bạc thứ nhất hiện tu tiến đắc quả A-la-hán, thì ở thân hiện tại nhập Niết-bàn.

- Bạc thứ hai hiện tu tiến được quả A-na-hàm, thọ thân cõi trên, hoặc thọ một đời, hoặc hai, ba, bốn cho đến nhiều nhất hoặc thọ mười lăm, hoặc thọ mười sáu đời Mười lăm là có người ưa định, sinh khắp bốn thiên có mười một thân. Sơ thiên hai chỗ, ba thiên địa trên mỗi địa có ba chỗ hợp thành mười một. Thêm bốn Không xứ nên có mười lăm. Mười sáu là có người ưa tuệ, sinh khắp bốn thiên có mười một thân. Thêm năm Tịnh Cư nên có mười sáu. Những loại này khác nhau rộng như giải thích ở sau.

- Bạc thứ ba hiện thân tu đắc quả Tư-đà-hàm, thọ thân Cõi Dục. Ở trong Trời, người nhiều thì thọ hai đời, ít một đời.

- Bạc thứ tư ở đời hiện tại chứng Sơ quả, thọ thân Cõi Dục, hoặc thọ một đời, hoặc hai, ba, bốn cho đến nhiều nhất thọ bảy đời qua lại mười bốn lần sinh tử. Mười bốn lần này qua lại thọ trong trời người, không được đồng đều. Vì sao như thế? Vì tâm biết khổ, chán lìa. Tu-đà-hoàn này có dùng quán khổ, tâm biết khổ mạnh. Thọ sinh trong loài người thì biết người khổ, cầu sinh lên cõi trời. Thọ sinh lên cõi trời lại biết lỗi của trời, cầu sinh vào loài người. Vì thế không đều.

Hỏi: Trong mười bốn đời kia, sinh chỗ nào trước?

Nghĩa này không nhất định, trong loài người đắc đạo, bỏ thân người rồi, trước trụ cõi trời. Trong cõi trời đắc đạo, bỏ thân trời rồi, trước sinh xuống loài người. Nên Tạp Tâm nói: Trong loài người siêu thăng nhân gian đủ bảy, ở cõi trời cũng như thế.

Hỏi: Vì sao cùng cực chỉ bảy lần không thêm, không bớt?

Nghiệp lực giữ nên không kém bảy lần, đạo lực chế phục nên không quá bảy lần. Lại nữa, thế của nghiệp lực cùng cực như thế, như bảy cây thuốc, bảy bước, thuốc rắn độc bảy ngày, việc bảy đời v.v...

Hỏi: Người này qua bảy lần rồi chỉ đắc Niết-bàn hay có người sinh lên cõi trên?

Kinh luận khác nhau. Theo Luận Tỳ-đàm và Luận Thành Thật, tất cả Bậc Thánh trong Cõi Dục địa nếu đã từng sinh qua thì tâm nhàm chán khổ đau đã sâu sẽ chẳng sinh lên, trong thân Cõi Dục nhất định được Niết-bàn.

Theo Kinh truyện Vua A Dục nói thì có người sinh lên, kinh ấy nói rằng: Có Tu-đà-hoàn Ưu-ba-cúc-đa suốt một đời bệnh tật, hóa sinh lên cõi Ngũ Tịnh thiên, rõ là được sinh lên. Nhân duyên hóa sinh như Kinh nói đủ.

Tu-đà-hoàn có bốn nghĩa khác nhau. Trong bốn hạng người này, loại đầu gọi là Hiện bát Tu-đà-hoàn; hai loại giữa gọi là Hiện tấn Tu-đà-hoàn; một loại cuối gọi là Thọ sinh Tu-đà-hoàn.

Theo Tu-đà-hoàn thọ sinh Cõi Dục để nói về phẩm số nhuận sinh phiền não:

Nhuận sinh phiền não: chia thô có ba, chia tế có chín, chia vừa có năm.

Chia thô có ba là: Thượng, trung, hạ. Nghĩa này không nhất định.

Nói theo lỗi thì lỗi thô hoặc nặng, nói là thượng; lỗi tế hoặc ít nên nói là Hạ; chẳng thô chẳng tế gọi là Trung.

Nếu nói theo công năng lực thì thô hoặc cạn cợt, năng lực chướng đạo yếu nói là hạ; tế hoặc gốc sâu, năng lực chướng đạo mạnh gọi là thượng, trung hoặc khác ở trên gọi là Trung.

Nên Kinh nói rằng: Vô minh trụ địa có năng lực cao nhất, nay theo nghĩa đầu tiên để chia, thô hoặc là thượng, tế hoặc gọi là hạ, ở giữa là trung.

Chia tế có chín là:

Ba phẩm trong thô: Thượng thượng, thượng trung, thượng hạ.

Hoặc Trung có ba: Trung thượng, trung trung, trung hạ.

Hoặc Tế cũng ba: Hạ thượng, hạ trung, hạ hạ.

Chia vừa có năm: Là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng.

Trong đây, hai loại đầu gọi là thượng thượng; hai loại tiếp theo là thượng trung; hai loại tiếp là thượng; hai loại sau là trung và một loại cuối là hạ.

Năm loại này tương tự với năm bậc huân thiện, năm bậc chia thiện.

Hỏi: Chia làm chín đủ rồi, cần gì nói năm?

Đáp: Nay vì y theo đây để nói về nhuận sinh nhiều ít nên cần phải nói.

- Nói về phiền não nhuận sinh bao nhiêu:

Trong đây chia làm ba môn:

Nói về các hoặc có nhuận hay không nhuận.

Nói về dụng hoặc nhuận sinh khác nhau.

Nói về các hoặc nhuận sinh nhiều ít.

+ *Nói về các hoặc có nhuận hay không nhuận:* Có người nói rằng trong chín phẩm hoặc có phẩm thừa dứt không thể nhuận sinh, phẩm không thừa dứt dụng nó để nhuận sinh, nghĩa này không đúng.

Thừa dứt đã xong có thể không nhuận sinh, còn lúc chưa dứt vì sao không nhuận? Nên biết tất cả đều có khả năng nhuận sinh. Nhưng nhuận có hai loại:

- Hiện khởi thân nhuận thọ sinh.

- Thành tựu ngầm trợ giúp nhuận.

Phẩm thừa dứt, lúc chưa dứt có được nghĩa ngầm trợ giúp nhuận; cũng có nghĩa hiện khởi thân nhuận, làm sao có được? Nghĩa như ở sau sẽ giải thích.

- Nói về dụng hoặc nhuận sinh khác nhau.

Ở chín phẩm kia, trong Tu hoặc, cái nào là hiện khởi thân nhuận thọ sinh? Cái nào là thành tựu giúp nhuận thọ sinh?

Nói theo thứ lớp thì trong các hoặc đã có, phẩm thô tối thượng trong duyên hiện khởi thân nhuận thọ sinh, còn các phẩm khác thành tựu Tư (giúp) nhuận thọ sinh.

Nói theo thật thì, hoặc khởi không thứ lớp. Phát nghiệp, nhuận sinh không phải kể theo một tiêu chuẩn, hoặc thượng, trung, hạ không thể nhất định.

Nghĩa này thế nào?

Ở lúc thọ sinh, có người độn căn hoặc thấy thắng duyên khởi kiết tăng thượng thì dùng kiết này thân nhuận thọ sinh, trung và hạ trợ

giúp.

Có người trung căn, hoặc đối với trung duyên khởi trung phẩm kiết, liền dùng kiết này thân nhuận thọ sinh. Phiền não thượng, hạ thành tựu mà theo trợ giúp.

Có người lợi căn, hoặc gặp duyên yếu khởi kiết hạ phẩm, thì dùng kiết này thân nhuận thọ sinh. Thượng, trung theo giúp. Người thượng kiết sinh, thọ thân rất nhiều. Trung kiết ít hơn, hạ kiết rất ít. Vì thế Tu-đà-hoàn có chín phẩm phiền não tuy hoàn toàn chưa dứt nhưng, không ngại thọ sinh nhiều ít bất định. Vì nghĩa này nên trong chín phẩm hoặc, lẽ ra cái thừa dứt cũng được hiện khởi. Nhuận nghiệp thọ sinh, trợ giúp đã xong.

- *Nói về các hoặc nhuận sinh nhiều ít:* Văn kinh luận không nói nhất định. Nhưng nay có thể nói theo nghĩa. Trong chín phẩm hoặc, hai phẩm đầu tiên theo trong loại chia ra năm phẩm đồng là thượng thượng. Phẩm loại đồng nên đều nhuận sinh trong ba đời. Trong đó, phẩm đầu riêng nhuận ba đời, những kiết khác giúp trợ nhuận mười bốn đời. Trong những kiết này, riêng phẩm sau nhuận ba đời, còn các kiết kia giúp nhuận mười một đời.

Ở đây làm sao biết?

Kiết thuộc phẩm thứ ba và thứ tư mỗi thứ nhuận sinh hai đời. Hai phẩm đầu thô hơn kiết kia nên nhuận sinh ba đời, gần với kiết ấy nên không quá ba được. Lại nữa, kiết của hai phẩm trong những phẩm còn lại, hai phẩm bằng nhau mà nhuận sinh. lấy sau so với trước thì hai phẩm đầu đồng nhuận sinh ba đời.

Hỏi: Hai phẩm này đồng nhuận sinh ba đời thì có gì khác nhau?

Đáp: Phẩm đầu thô, mạnh thọ sinh mau chóng, phẩm sau hoặc yếu thọ sinh chậm chạp. Như người thấy vật, lòng tham mạnh thì lấy ngay, lòng tham yếu thì lấy sau. Lại, phẩm đầu thô, thọ báo thô kém; phẩm sau hoặc yếu thọ báo tinh tế hơn. Lại nữa, phẩm đầu thô mạnh có sức, nhất định nhuận sinh ba đời; phẩm sau kém mỏng, nhuận hoặc sinh hai đời, hoặc nhuận sinh ba đời, mà không phải quyết định nói đồng nhuận. Ba là nói theo tối đa.

Hai phẩm kế, trong năm phẩm phân biệt đều là thượng trung. Phẩm loại đồng nên đều nhuận sinh hai đời. Trong đây, phẩm đầu riêng nhuận hai đời, phẩm khác trợ giúp cộng nhuận sinh tám đời. Kiết của phẩm sau riêng nhuận sinh hai đời, phẩm khác trợ giúp cộng nhuận sáu đời.

Đây làm sao biết?

Hai phẩm đầu ở trước, mỗi phẩm nhuận sinh ba đời. Hai phẩm này tế hơn, nên chỉ có hai chữ không nhiều. Lại, phẩm thứ năm và thứ sáu mỗi thứ nhuận một đời. Hai loại này thô hơn nên là hai, không ít hơn. Lại nữa, sáu đời trước trong mười bốn đời là chỗ nhuận của hai phẩm hoặc thứ nhất và thứ hai, nên dứt kiết của phẩm một và hai. Trừ bớt sáu đời, còn lại tám đời.

Luận nói: Nếu dứt hoặc của phẩm ba và bốn, hai đời, ba đời còn lại gọi là Gia Gia. Nói ba đời là người ba, trời ba tức là sáu đời. Nói hai đời là người hai, trời hai tức là bốn đời. Trong tám đời còn lại dứt kiết của nhuận sinh phẩm thứ ba, thọ sáu đời còn lại gọi là Gia Gia. Biết rõ phẩm thứ ba riêng nhuận sinh hai đời. Dứt kiết của nhuận sinh phẩm thứ tư, thọ bốn đời còn lại gọi là Gia Gia. Biết rõ phẩm thứ tư riêng nhuận sinh hai đời.

Có gì khác nhau? Khác như giải thích trước.

Kiết của phẩm thứ năm và thứ sáu, năm phẩm phân ra đồng là thượng phẩm. Đồng loại nên đều nhuận sinh một đời. Trong đây phẩm trước riêng nhuận sinh một đời. Phẩm khác trợ giúp cùng nhuận bốn đời. Kiết của phẩm sau riêng nhuận sinh một đời. Phẩm khác trợ giúp cộng nhuận ba đời. Đạo lý nên như thế, nhưng một phẩm này có nghĩa thừa dứt. Nếu thừa dứt thì không dùng nhuận sinh, nếu chưa thừa dứt thì cho sẽ nhuận sinh.

Hỏi: Làm sao biết được?

Đáp: Hai phẩm này, mỗi phẩm nhuận sinh một đời; hai phẩm trước mỗi phẩm nhuận sinh hai đời. Phẩm này tế hơn kia, nên nhuận một chữ không nhiều hơn. Phẩm thứ bảy và tám cùng nhuận sinh một đời. Phẩm này thô hơn, nhuận một chữ không bớt.

Lại, luận chép rằng: Dứt hoặc của nhuận sinh phẩm thứ tư, còn lại thọ bốn đời, gọi là Gia Gia. Và dứt phẩm thứ năm, thứ sáu xong thành Tư-đà-hàm, chỉ còn hai đời. Biết rõ, hai phẩm này mỗi phẩm nhuận một đời.

Hỏi: Hai phẩm này mỗi phẩm nhuận một đời, có gì khác nhau?

Khác như trên đã giải thích.

Phẩm hoặc thứ bảy và thứ tám, năm phẩm phân ra đồng là trung phẩm. Phẩm loại đồng nên cùng nhuận một đời, phẩm khác trợ giúp cùng nhuận hai đời.

Ở đây làm sao biết?

Hai phẩm vừa rồi, mỗi phẩm nhuận sinh một đời. Phẩm này tế hơn nên hợp lại nhuận một. Lại nữa, Tư-đà-hàm trong hai đời nếu dứt

kiết phẩm bảy và tám, chỉ giảm một đời, còn một đời. Biết rõ, hai phẩm này cùng nhuận một đời.

Hỏi: Hai phẩm này cùng nhuận một đời, có gì khác nhau?

Đáp: Phẩm trước thô, năng lực nhuận sinh mạnh phẩm, sau nhỏ nhiệm, năng lực nhuận sinh mỏng, trợ giúp mà thôi.

Hỏi: Hai phẩm này cùng nhuận một đời, dứt phẩm thứ bảy, phẩm thứ tám kia làm sao nhuận sinh?

Đáp: Phẩm thứ tám không có việc nhuận sinh riêng nữa đời. Nếu dứt phẩm thứ bảy, phẩm thứ tám kia và phẩm thứ chín nhuận sinh một đời. Nên Luận Tỳ-bà-sa nói: dứt phẩm thứ bảy thọ sinh một đời, dứt phẩm thứ tám cũng thọ một đời.

Phẩm thứ chín, năm phẩm xếp vào là hạ phẩm, riêng nhuận một đời.

Hỏi: Vì sao phẩm bảy, phẩm tám cùng nhuận một đời, phẩm này càng nhỏ nhiệm, riêng nhuận một đời?

Vì đây sắp cuối cùng, ràng buộc bền bỉ, vững chắc; qua được phẩm này về sau không còn chỗ sinh nữa. Năng lực càng trói chặt nên chỉ nhuận một đời.

Hỏi: Luận Tỳ-đàm nói: Tu-đà-hoàn nương Thiên Vị lai mà vào Thánh đạo. Chỗ nương Vị lai để trị phiền não, vì sao lại có chín phẩm kiết đầy đủ mà dụng nhuận sinh?

Đáp: Chưa hẳn là Thiên Vị lai đều có thể trị kiết. Nếu trước tu được Thiên Vị lai rồi, tạo sáu hạnh quán thì sẽ dứt kiết. Nếu không tạo thì các kiết còn hoàn toàn. Cho nên, Tu-đà-hoàn tuy nương Thiên Vị lai mà vào Thánh đạo, chẳng ngại có đủ kiết để nhuận sinh.

Hỏi: Luận Thành Thật nói: Tu-đà-hoàn nương định của bảy xứ, từ Sơ thiền đến Vô sở hữu mà vào Thánh đạo. Lúc đắc định kia, hàng phục dứt Dục kiết. Đắc Tu-đà-hoàn rồi, dùng gì để nhuận sinh thọ thân ở Cõi Dục?

Có người giải thích rằng: Dùng phiền não từng khởi ở quá khứ mà nhuận sinh thọ thân, nghĩa này không đúng. Quá khứ tuy có, hiện tại không hiện hành, đối với cảnh không luyến ái, làm sao thọ thân?

Có người lại nói: Tông ấy nói: Bạc Thánh không lui sụt Thánh đạo nhưng được lui sụt thiền định. Vì thối định nên khởi được phiền não cõi Dục mà nhuận sinh.

Nếu vậy, bậc Tu-đà-hoàn không thối định lẽ ra nên sinh cõi trên. Tu-đà-hoàn sinh lên cõi trên, kinh luận không chấp nhận. Biết rõ, rằng sinh cõi Dục không do thối định, nay sẽ giải thích:

Trong hoặc của Cõi Dục, thô tế vô lượng. Định có khả năng hàng phục, từ phàm đến Phật khác nhau vô số. Sự định mà Tu-đà-hoàn nương thô thiện, chỉ hàng phục phẩm thô, tế hoặc vẫn còn. Trong tế hoặc, nghĩa chia chín phẩm, dùng đó để nhuận sinh.

Đây là phần thứ ba: Nhuận sinh nhiều ít.

- *Nói về dứt hoặc, tổn sinh nhiều ít.*

Trong đây chia ra hai môn:

- Nói về dứt khác nhau

- Y theo dứt nói về tổn.

Dứt có hai loại: Biệt dị đoạn và Thừa dứt.

Tùy hoặc thô tế, dứt dần, trừ dần gọi là Biệt dị đoạn.

Nhân dứt phẩm trước, phẩm sau theo đó trừ (thừa trừ) gọi là Thừa dứt. Trong chín phẩm hoặc, một phẩm thứ sáu chắc chắn là thừa dứt.

Vì sao? Vì phẩm hoặc này dứt liền chứng quả Tư-đà-hàm thứ hai. Lòng mong cầu quả mạnh nên dứt phẩm thứ năm sẽ thừa thứ sáu. Phẩm này thừa dứt, các luận giống nhau. Một phẩm thứ chín thì luận giả khác nhau.

Trong Luận Tỳ-bà-sa có một Luận sư nói cũng là thừa dứt, nên văn ấy nói: Nếu dứt phẩm thứ tám thì phẩm thứ chín không thể ngăn ngại.

Vì sao phẩm này lại phải thừa dứt?

Nghĩa đồng với giải thích ở trước. Hoặc phẩm này hết, chứng quả A-na-hàm, tâm mong quả mạnh, vì thế thừa dứt.

Nếu theo Luận Tỳ-đàm, quyết định không phải thừa dứt. Vì đây sắp trọn, tạo chướng ngại cùng cực, do đó không thừa. Như giữ người trở lại, chưa đến biên giới thì ngăn chặn thông thả; nếu đến biên giới rồi thì ngăn chặn gấp rút, cho nên nghĩa nói: Nếu qua đây rồi, ta ở chỗ nào mà thọ sinh, nên khó thừa dứt. Ngoài ra, bảy phẩm kia từng bậc dứt dần đều không có nghĩa Thừa.

Có người nói rằng: phẩm hai và phẩm tám cũng có thừa dứt, vì sao? Vì sau quả tâm, có năng lực sống nên dứt phẩm một sẽ thừa phẩm hai, dứt phẩm bảy thừa phẩm tám. Nghĩa này không đúng. Nếu phẩm thứ hai có thừa dứt thì lẽ ra kinh luận đã nói rồi, mà hoàn toàn không có chỗ nào nói, biết rõ không thừa. Lại, phẩm thứ tám, Luận nói không thừa. So cái sau với trước, biết rõ phẩm thứ hai chẳng phải là thừa dứt. Luận Tỳ-bà-sa nói: Nếu dứt phẩm thứ bảy, phẩm thứ tám sẽ cùng phẩm thứ chín nhuận sinh một đời, biết rõ phẩm thứ tám không phải thừa dứt.

Hỏi: Nếu nói có thừa dứt là một quán tương tục dứt sạch gọi là thừa dứt, hay một đời quyết định dứt sạch gọi là thừa dứt?

Đáp: Một đời quyết định dứt sạch gọi là thừa dứt, chẳng phải là một quán nối tiếp dứt sạch gọi là Thừa dứt. Nhưng ở hiện đời dứt sạch không xen hở cũng gọi là thừa dứt; dứt sạch xen hở cũng gọi là Thừa dứt. Một đời không hết, dùng nó thọ thân, trải qua đời sau thì dứt không gọi là Thừa dứt.

Nghĩa dứt như thế.

Theo đoạn nói về tổn: Dứt phẩm thứ nhất, trong mười bốn đời giảm ba đời. Dứt phẩm thứ hai lại giảm ba đời, chỉ có tám đời. Dứt phẩm thứ ba giảm hai đời, còn lại sáu đời: Người ba, trời ba. Dứt phẩm thứ tư lại giảm hai đời, còn lại bốn đời: Người hai, trời hai. Nên luận nói rằng: Nếu dứt phẩm ba và bốn, còn hai đời, ba đời thì gọi là Gia Gia. Dứt phẩm thứ năm thừa dứt thứ sáu, lại giảm hai đời, còn lại hai đời. Dứt bảy, đoạn tám lại giảm một đời, còn một đời. Dứt phẩm thứ chín lại trừ một đời, tất cả đều hết.

Tu-đà-hoàn thọ thân nhiều ít như thế.

- **Nói về Gia Gia:** Trong đây chia làm bốn môn:

Giải thích chung nghĩa Gia Gia.

Nói rõ ý nói.

Nói rõ lý do lập ra Gia Gia.

Đối với các quả khác, nhận biết có, không.

- **Giải thích chung nghĩa Gia Gia:** Luận tự giải thích rằng: Từ nhà đến nhà nên gọi là Gia Gia. Ở đây Nói Tu-đà-hoàn chán chỗ đời trước, đến nhà khác thọ thân nên gọi là Gia Gia.

Thế nào là nhà khác?

Người này hoặc lúc sinh trong loài người, rồi bỏ người sinh lên cõi trời. Lại bỏ thân trời sinh lại trong loài người. Chán chỗ sinh cũ, thọ sinh nhà khác. Ở cõi trời cũng vậy, lìa chỗ sinh cũ, thọ sinh chỗ khác. Nên nói là chỗ khác.

Hỏi: Nếu thọ thân chỗ khác này gọi là Gia Gia, vì sao luận nói tại loài người, hoặc tại một chỗ, hoặc hai, hoặc ba. Ở tại một cõi trời, hoặc hai hoặc ba?

Đáp: Trong loài người hoặc một nhà là hoặc một nhà lớn, hoặc một Vương gia gọi là một nhà. Tất cả như thế, chẳng ngại trong đó nhà cửa khác nhau. Cõi Trời cũng giống như thế. Trong sáu cõi trời, hoặc một cõi trời, không ngại trong đó chỗ ở khác nhau, nên được gọi là từ nhà đến nhà, là Gia Gia.

Môn đầu như thế.

- Nói rõ ý nói Gia Gia:

Vì nêu lên sự cao quý, nên luận nói: Tu-đà-hoàn cao quý nên gọi Gia Gia. Hiển thắng thế nào?

Kiết của Tu-đà-hoàn có dày và mỏng. Người kiết dày không nhàm chán chỗ cũ, cho sinh trở lại, không gọi là Gia Gia. Nên thân dùng kiết của phẩm đầu, phẩm hai, phẩm ba để thọ, không thuộc Gia Gia. Người kiết mỏng thì không như thế, chẳng chịu sinh trở lại, phân biệt mỏng khác dày nên nói Gia Gia.

Ý nói như thế.

- Nói rõ nghĩa lập ra Gia Gia:

Y như ba nghĩa lập ra trong Luận:

Dứt phiền não.

Thành căn vô lậu.

Thọ sinh.

Dứt phiền não khác với bậc cụ bực Tu-đà-hoàn.

Thành căn vô lậu phân biệt với người lui sụt, cũng khác phàm phu.

Thọ sinh khác với Hiện Bát Tu-đà-hoàn v.v...Nên luận nói rằng: Nếu dứt ba, bốn phẩm thành tựu đối trị kia, còn hai đời, ba đời, đó gọi là Gia Gia. Dứt ba, bốn phẩm là nghĩa đầu tiên. Chín phẩm hoặc, hoặc dứt ba phẩm, hoặc dứt bốn phẩm.

Hỏi: Vì sao phải dứt hoặc này mới gọi là Gia Gia?

Vì trong chín phẩm hoặc, ba phẩm đầu thô nặng, đối với chỗ sinh cũ, tình chán ghét ít, cho phép sinh trở lại, không phải nghĩa Gia Gia. Vì thế phải dứt mới thành Gia Gia.

Hỏi: Nếu nói ba hoặc trước thô, đối với nhà đời trước có sinh trở lại, lẽ ra đều thọ sinh trong trời người. Vì sao từ loài người sẽ sinh lên trời, từ trời sinh xuống cõi người?

Đáp: Ngay lúc hiện sinh cũ, thật biết khổ của nó nên nhàm chán cõi người cầu lên cõi trời, nhàm chán cõi trời cầu sinh xuống cõi người. Vì thế không cùng sinh kiết thô che đậy tâm, lâu xa lại yêu thích nên lại sinh nữa.

Hỏi: Trong chín phẩm hoặc kia, dứt ba dùng bốn, dứt bốn dùng năm đều gọi là Gia Gia. Vì sao không nói dứt năm dùng sáu, dứt sáu dùng phẩm bảy, tám v.v... là Gia Gia?

Đáp: Dứt năm thừa thứ sáu, chẳng dùng thọ sinh nên chẳng phải Gia Gia. Phẩm bảy và tám v.v... ở cõi trời, ở cõi người không có hai thọ

thân nên không phải Gia Gia.

Đây là nghĩa thành tựu đối trị thứ hai nói thành kiệt phẩm ba, phẩm bốn Gia Gia đối trị vô lậu. Phạm phu cũng có thể dứt trừ kiệt phẩm ba, phẩm bốn mà không phải là Gia Gia. Nên phải nói còn hai đời, ba đời này là nghĩa thọ sinh thứ ba. Còn hai đời là người hai, trời hai hợp thành bốn đời. Còn ba đời là người ba, trời ba hợp thành sáu đời. Trong chín phẩm hoặc, dứt ba phẩm trước, dùng phẩm thứ tư thọ sáu đời kia. Dứt phẩm thứ tư, dùng phẩm thứ năm thọ bốn đời kia. Hiện bát Tu-đà-hoàn đủ hai nghĩa trước, vì không thọ sinh, chẳng thành Gia Gia, nên cần phải nói điều này.

Môn thứ ba nói rõ nghĩa lập ra Gia Gia đã xong.

- *Đối với quả khác phân biệt có - không:*

Hỏi: Vì sao chỉ trong Sơ quả nói Gia Gia, quả khác không nói?

Đáp: Sơ quả ở trong trời, người qua lại nhiều đời, có nghĩa từ nhà đến nhà. Do đó mới nói. Quả khác không có nghĩa này, vì thế không nói.

Hỏi: Trong cõi A-na-hàm trở lên cũng thọ nhiều thân, vì sao không nói?

Đáp: Kia ở mỗi nơi có vô lượng nghĩa sinh, nên không phải Gia Gia.

Y theo Tu-đà-hoàn mà chia ra lợi, độn:

Khai hợp không nhất định.

Hoặc chia làm hai: Lợi và độn. Như Kinh Niết-bàn (bản Bắc quyển 36) chép: Văn kia theo Hiện bát Tu-đà-hoàn và thọ sinh để chia lợi, độn. Hiện bát là lợi, trong hạng thọ sinh từ hai đời đến nhiều đời gọi chung là Độn, một đời không nói. Vì sao không nói? Người một đời có chung cả lợi độn, khó định riêng, được vì thế không nói. Có chung cả là thế nào? Có người hiện tại lẽ ra được Niết-bàn, nhưng bị duyên khác làm chướng nạn, hoặc thiếu trợ duyên, hoặc bệnh không có sức, chướng ngại tu đạo, do đó không được. Qua đời khác mới được, đây là lợi căn. Có người hiện tại siêng tu mà chẳng được, qua đời khác mới được, đây là độn. Có sự bất định như thế cho nên không nói.

Hoặc chia làm ba: Lợi, độn và trung. Như trong bốn hạng người kể trên, tương chung chia thô thì Hiện bát là Lợi, hai người hiện tiền ở giữa là Trung, hạng Tu-đà-hoàn sinh qua đời khác là Độn. Nói theo tế thì trong hạng hiện tiền cũng có người độn, ở thân hiện tại tuy đắc quả A-na-hàm nhưng sinh lên cõi trên nhiều đời mới được Niết-bàn. Trong hạng sinh qua đời khác cũng có người lợi căn, tuy ở hiện tại không được

quả khác, thọ sinh ở Cõi Dục mà thân kế tiếp chóng được Niết-bàn.

Hoặc chia ra làm sáu: Thối, tư, hộ, trụ, thắng tấn, bất động. Nghĩa như ở sau sẽ giải thích.

Phân chia kỹ theo biệt cũng có nhiều đến vô lượng.

Tu-đà-hoàn như thế.

- GIẢI THÍCH RIÊNG NGHĨA TƯ ĐÀ HÀM

A-na-hàm hưởng gọi chung là Tư-đà-hàm. Một chỗ hợp lại mà luận. Trong đó chia làm bốn môn:

- Nói về thể.

- Nói về tướng.

- Phân ra lợi, độn.

- Nói về dứt kiết nhiều ít.

- **Nói về thể:** Quả Tư-đà-hàm lấy Thánh đức làm thể. Thánh đức khác nhau cũng có ba loại:

Quả thể: Theo Luận A Tỳ-đàm, phân biệt hành tu, chỉ lấy phẩm thứ sáu tâm đạo giải thoát trong chín phẩm trí của Cõi Dục làm quả thể. phân biệt đặc tu nhiếp cả quả đức vô lậu của Tu-đà-hoàn và nhiếp vô lậu trong Tư-đà-hàm hưởng hợp thành quả thể.

Nghĩa này thế nào?

Quả tâm hiện thời xả các đặc trước, chỉ có một loại quả đặc hiện sinh phi sắc phi tâm, đặc phẩm thứ sáu tâm đạo giải thoát, và đặc tất cả vô lậu vừa rồi, hợp thành một loại quả Tư-đà-hàm.

Theo luận Thành Thật thì chỉ lập hành tu, không nói đặc tu, cho nên chỉ nói một phẩm thứ sáu tâm đạo giải thoát làm quả thể, ngoài ra đều đã qua, hiện tại không có pháp thể, không nói là quả.

Chia kỹ như thế, tiếp tục mà nói thì nhân tròn đầy thành quả.

Học đẳng kiến: Nghĩa đồng như giải thích ở trước.

Thắng quả đạo: Tu thêm thắng giải, tiến lên dứt phiền não phẩm bảy, tám, chín.

Có ba vô ngại, hai đạo giải thoát gọi là thắng quả.

- **Nói về tướng:** Tư-đà-hàm này chia làm ba loại:

1. Hiện bát: Hiện thân tu đắc quả A-la-hán, nhập Niết-bàn.

2. Hiện tiến: Hiện thân tu đắc quả A-na-hàm, thọ thân cõi trên.

3. Kinh sinh: Hiện không đắc quả gì khác, thọ thân Cõi Dục.

Ba loại này cũng nói thành năm được.

Hiện bát có hai:

- Trực hiện bát: Ở thân phàm tu đắc quả Tư-đà-hàm, tức hiện đời

được Bát-niết-bàn.

- Chuyển thế: Hoặc đối với quả Tu-đà-hoàn trải qua, hoặc đối với hạnh Tư-đà-hàm trải qua, lại đắc Tư-đà-hàm, ngay ở hiện thân nhập Niết-bàn.

Hiện tiền có một: Cộng với trước là ba.

Trong kinh sinh có hai loại:

Thủ quả: Gọi là Nhất vãng lai.

Tiến hướng: Gọi là Nhất chủng tử. Nhất chủng tử này cũng có ba duyên để lập là dứt phiền não, thành tựu căn vô lậu đối trị và thọ sinh cõi trên, trong ba loại này thiếu một thì không phải là Nhất chủng tử.

Luận giải thích như thế, cộng với trước thành năm.

Nói về tướng như thế.

- **Phân biệt lợi độn:** Khai hợp không nhất định. Cốt yếu chỉ có hai: lợi và độn. Hiện bát là Lợi, còn lại là Độn. Cũng có thể Kinh sinh là Độn, ngoài ra gọi là Lợi.

Hoặc chia làm ba: Lợi, độn, trung. Hiện bát là Lợi, Hiện tiền là Trung, kinh sinh là Độn. Phán định sơ như thế. Dùng thật để nói đủ thì trong hạng người Hiện bát cũng có lợi, độn. Cứ thẳng vậy mà hiện đời nhập Niết-bàn thì là Lợi. Chuyển thế hiện bát là Độn. Trong hạng người Hiện tiền cũng có lợi độn. Tiến đến A-na-hàm mà nhập Niết-bàn là Lợi; sinh lên cõi trên là Độn. Trong hạng người Kinh sinh cũng có lợi, độn. Chủng tử là Lợi, sinh (vãng lai) là Độn.

Có chỗ chia làm sáu: Thối, tứ, hộ, trụ, thẳng tấn, bất động.

Nghĩa như ở sau sẽ nói.

- **Nói về Tư-đà-hàm dứt kiết nhiều ít:**

Kinh nói: Tư-đà-hàm dứt ba kiết; tham, sân, si làm nhẹ mỏng. Dứt ba kiết nghĩa như trên đã nói là thân kiến, giới thủ và nghi, trước đã dứt, nay không nên nói chung. Lại nữa, ba kiết này cũng có nghĩa Tư-đà-hàm đích thân dứt, như ở sau sẽ giải thích. Chỗ nói mỏng là đối với tham - sân - si, chính là chỗ dứt, mỏng đến bao nhiêu đó. Trong chín phẩm tu hoặc của cõi Dục, thủ quả Tư-đà-hàm trừ sáu còn ba gọi là mỏng; tiến hướng Tư-đà-hàm dứt bảy trừ tám, hoặc dứt chín phẩm chưa chứng giải thoát. Ở trên vì luận điều ấy gọi là mỏng.

Dứt kiết như thế. Trong đây có nghĩa đồng với Tu-đà-hoàn, so với trên cõi biết, chẳng cần giải thích nữa.

Tư-đà-hàm như thế.

- **GIẢI THÍCH RIÊNG NGHĨA A NA HÀM:**

A-la-hán hướng gọi chung là A-na-hàm. Một chỗ hợp lại mà nói, trong đây cũng có bốn môn:

- Nói về thể.
- Nói về tướng.
- Phân ra lợi độn.
- Dứt kiết nhiều ít.
- **Nói về thể:**

Theo Luận Tỳ-đàm, phân biệt hành tu chỉ lấy một niệm vô lậu giải thoát cuối cùng trong chín phẩm trị của Cõi Dục làm quả thể của A-na-hàm. phân biệt đặc tu gần nhiếp tất cả vô lậu vừa rồi hợp thành quả thể. Nghĩa này thế nào?

Lúc chứng quả A-na-hàm, các sở đắc từ trước đều xả. Một đặc chung sinh đắc giải thoát cuối cùng trong chín phẩm trị của Cõi Dục cùng với tất cả vô lậu đã được ở trước hợp thành một quả.

Nếu theo Luận Thành Thật, chỉ lập hành tu không có nghĩa đặc tu. Cho nên chỉ nói giải thoát cuối cùng trong Cõi Dục trị là quả thể.

Học đẳng kiến: Nghĩa đồng như giải thích trước.

Thắng quả đạo: Tu thêm thắng hạnh, tiến đến dứt kiết Sơ thiên đến Phi tưởng, chỉ trừ giải thoát cuối cùng của Phi tưởng gọi là Thắng quả.

Ba loại này nói chung là quả A-na-hàm.

Nói về thể như thế.

- **Nói về tướng:**

Trong bậc A-na-hàm, khai hợp không nhất định, nói số tăng thêm thì chỉ xếp vào ba loại:

Hiện bát: Hiện thân tu đắc quả A-la-hán, nhập Niết-bàn.

Trung bát: Theo như Luận Thành Thật, từ cõi Dục sinh lên hai cõi trên, ở khoảng giữa thọ thân được Bát-niết-bàn, gọi là Trung bát. Luận ấy không lập nghĩa trung ẩm.

Theo các kinh luận khác, từ cõi Dục thân trung ẩm sinh lên cõi trên được Bát-niết-bàn, gọi là Trung bát.

Thọ thân bát: Thọ thân cõi trên, sau đó được Bát-niết-bàn.

Có chỗ chia làm bốn:

- Hiện bát.
- Trung bát.
- Sắc giới bát: Thân ở cõi Sắc tu được Niết-bàn.
- Vô Sắc bát: Thân ở cõi Vô Sắc tu đắc Niết-bàn.

Có chỗ chia làm sáu: Như Kinh Niết-bàn nói.

- Hiện bát.
- Trung bát.
- Sinh bát.
- Hành bát.
- Vô hành bát.
- Thượng lưu bát.

Hiện bát: Có ba nhân duyên cho nên hiện bát:

Vì lợi căn, thấy lỗi phiền não mau chóng dứt trừ, do đó hiện bát.

Đắc Thánh đạo rồi, có sinh vào Cõi Dục, lòng chán khổ sâu, sợ sinh cõi trên, siêng tu đối trị, cho nên hiện bát.

Có người đắc Thiền Vị lai, nương đó dứt kiết, thiền khác tuy đắc mà không hiện tiền. Đối với hai cõi trên không có tác nghiệp cũng không sinh nghiệp, vì thế hiện bát.

Trung bát: Có hai nhân duyên:

Vì lợi căn, ở thân trung ấm Thánh đạo hiện tiền, thấy lỗi phiền não có thể chóng dứt trừ, do đó là Trung bát. Nên Kinh Niết-bàn nói: Vì lợi căn nên ở trung Niết-bàn.

Phân biệt Theo nghiệp, nghiệp có hai loại:

- Nghiệp Tác
- Nghiệp Thọ sinh.

Nghiệp từ phiền não khởi gọi là nghiệp Tác, nếu phiền não hành bị ái thấm nhuần sinh ra quả sau gọi là nghiệp Thọ sinh. Người này tu đắc tám thiền thế tục, có nghiệp tác, ở thiền không có ái thì không có nghiệp thọ sinh là Trung bát. Nên Kinh Niết-bàn nói: Chúng sinh cõi Dục và Sắc có hai thứ nghiệp:

- Nghiệp Tác
- Nghiệp Thọ sinh.

Hạng trung Niết-bàn chỉ có nghiệp Tác, cho nên trong đó mà Bát-niết-bàn.

Hỏi: Người này đã là lợi căn sao không Hiện bát mà đến trung mới bát?

Như Kinh Niết-bàn giải thích: Người này tuy lợi căn mà bốn đại gây ốm, không kham tu đạo, hoặc tuy có năng lực mà duyên trợ giúp không đủ, vì thế không được hiện đời Niết-bàn.

Hỏi: Trung bát chỉ có hạng lợi căn cùng cực hay cũng có thấp hơn?

Như Kinh Niết-bàn giải thích: Có thượng, trung, hạ. Hoặc có hạng thượng căn phiền não mềm mỏng, chưa lìa Cõi Dục đã được nhập Niết-

bàn. Hoặc có hạng trung căn, phiền não bậc trung, vừa lia Cõi Dục chưa đến cõi Sắc được nhập Niết-bàn. Hoặc có hạng hạ căn phiền não bậc thượng, đến cõi Sắc giới mới được Niết-bàn.

Hỏi: Vì sao trong xả thân Cõi Dục có Niết-bàn, cõi trên không có?

Theo Kinh Niết-bàn có bốn nghĩa để giải thích:

Giải thích theo tánh: Chúng sinh cõi Dục tánh mạnh mẽ có thể đắc hương và quả, vì thế trong cõi Dục có Niết-bàn. Cõi trên không có, vì thế mà không có Trung bát.

Giải thích theo nhân duyên phiền não: Phiền não Cõi Dục có hai nhân duyên trong và ngoài. Không dứt kiết sử và tà tư Duy-mà khởi phiền não gọi là trong. Sáu trần sinh kiết sử gọi là ngoài. Hai loại này đáng nhàm chán nên từ Cõi Dục có Niết-bàn. Cõi trên dù có nhân trong sinh kiết mà không có kiết sử bên ngoài đáng chán, nên không có Trung bát.

Theo hai ái để giải thích. Ái có hai loại: Một là Dục ái, đắm trước vật chất do năm dục bên ngoài giúp sinh. Hai là sắc ái, yêu mến sắc đẹp của vợ. Trong Cõi Dục địa có cái đáng nhàm chán này nên có Trung bát. Cõi trên không có loại này nên không có Trung bát.

Giải thích theo các phiền não thô. Cõi Dục có các phiền não thô bỗn sển, giận tức, ghen ghét, không hổ thẹn v.v... có thể chán ghét nên có Trung bát. Cõi trên không có loại này nên không có Trung bát.

Hỏi: Kinh nói Trung bát A-na-hàm có bốn loại tâm, là những gì?

Đáp: Như kinh Niết-bàn (quyển 36) nói:

Tâm phi học phi vô học là tâm thọ sinh.

Tâm học: Khởi đối trị ở trên.

Tâm vô học: Chứng quả A-la-hán.

Tâm phi học phi vô học là tâm qua đời.

Hỏi: Người này tâm nào qua đời?

Luận tự nói rằng: La hán báo tâm và tâm oai nghi thuận theo diệt tâm thú hưởng hai quả Niết-bàn. Trong bốn tâm này có hai tâm là Niết-bàn, hai tâm là phi Niết-bàn.

Hai tâm Niết-bàn là hai tâm sau, tâm vô học thứ ba là tâm chứng Niết-bàn Hữu dư. Phi học phi vô học thứ tư là tâm nhập Niết-bàn Vô dư.

Trung bát như thế.

Giải thích Sinh bát, Hành bát, Vô hành bát.

Ba hạng người này có nghiệp tác và nghiệp thọ sinh, thọ thân cõi

trên.

Trong cõi Sắc địa tùy chỗ sinh đầu tiên ở cõi trời nào, theo nghĩa chia làm ba, không hạn cuộc ở Sơ thiên, ba loại này có gì khác?

Kinh Luận khác nhau, có ba thứ khác:

Nếu theo Luận Tỳ-đàm, thì Sinh bát là tối thắng, Hành bát hạng kế, Vô hành bát kém nhất, nghĩa này thế nào?

Luận tự giải thích rằng: Phương tiện siêng năng, tu mau tiến đạo, đó là Sinh bát. Có phương tiện siêng năng mà không mau tiến đạo là Hành bát, không có phương tiện

Siêng năng cũng không mau tiến đạo là Vô hành bát. Siêng tu Thánh đạo gọi là phương tiện siêng năng. Vì lợi căn nên việc tu mau thành, chóng dứt kiết sử còn lại gọi là chóng tiến đạo.

Vì sao người này gọi là Sinh bát?

Luận tự giải thích rằng: Người này mới sinh khởi có hành đạo, dùng phương tiện siêng năng mau dứt kiết còn sót, vừa sinh đắc bát nên gọi là Sinh bát. Tu tập mười sáu Thánh hạnh vô lậu gọi là có hành đạo, vừa sinh đắc nhập Niết-bàn Hữu dư, hết đời mới nhập Niết-bàn Vô dư.

Có người nói: Mới sinh liền bát Vô dư, nghĩa này không đúng. Luận nói vì không xả thọ (tuổi) hành.

Hạng người thứ hai siêng tu tập đạo gọi là phương tiện siêng năng. Vì độn căn nên việc tu khó thành, dứt kiết không mau gọi là không mau tiến đạo.

Vì sao người được này gọi là Hành bát?

Luận tự giải thích rằng: Khởi có hành đạo, dứt kiết được Bát-niết-bàn gọi là Hành bát. Lại nữa, y theo duyên hữu vi định dứt kiết, đắc Bát-niết-bàn cũng gọi là Hành bát. Người này cũng tu mười sáu Thánh hạnh gọi là có hành đạo. Lại nữa, người này vì lợi căn nên quán pháp hữu vi của ba đế trước, cũng có thể dứt kiết gọi là duyên hữu vi. Vì không mau chóng tiến đạo, dứt kiết không mau, hết đời mới Bát-niết-bàn.

Hạng người thứ ba không thể siêng năng tu tập Thánh đạo gọi là chẳng siêng cầu, cũng lại chẳng thể chóng dứt kiết sử còn lại, gọi là không chóng tiến đạo. Vì sao người này được gọi là Vô hành bát?

Luận tự giải thích rằng: Khởi vô hành đạo dứt kiết được Bát-niết-bàn gọi là Vô hành bát. Lại nữa, nương duyên vô vi định dứt kiết được nhập Niết-bàn cũng gọi là Vô hành bát. Người này độn căn, phần nhiều dùng hữu lậu đẳng trí để dứt kiết, không tu mười sáu Thánh hạnh gọi là Vô hành đạo. Dù tu vô lậu dứt kiết phi tưởng, vì độn căn nên quán Sát

thắng pháp diệt đế vô vi mới dứt kiết được, gọi là duyên vô vi. Vì không chóng tiến đạo, chóng dứt kiết nên hết đời mới Bát-niết-bàn.

Nếu theo Luận Thành Thật thì Sinh bát là cao siêu, Vô hành là kém, Hành bát là kém.

Hạng người thứ hai tự biết chắc chắn sẽ đắc Niết-bàn, không siêng hành đạo, cuối đời được nhập Niết-bàn gọi là Vô hành bát.

Hạng thứ ba vì độn căn nên siêng năng hành đạo, hết đời được nhập gọi là Hành bát.

Nếu theo Kinh Niết-bàn, sinh bát là kém nhất, Hành bát là hơn hết, Vô hành là hạng trung, nghĩa này thế nào?

Sinh bát trong Kinh Niết-bàn gọi là Thọ thân bát. Người này siêng năng, hết đời được Bát-niết-bàn gọi là Thọ thân bát, cho nên kém nhất. Ở đây đồng với hạng Hành bát của luận Thành Thật.

Hỏi: Nếu người này hết đời được nhập Niết-bàn, vì sao gọi là Thọ thân bát?

Chính Phật giải thích rằng: Người này thọ thân, sau đó mới dứt phiền não ba cõi, gọi là Thọ thân bát; không phải vừa thọ thân liền được Bát-niết-bàn, nên gọi là Thọ thân bát.

Có người siêng tu năng lực Tam-muội nên không hết tuổi thọ đã dứt kiết đắc bát, đó là hạng hơn hết, ở đây đồng với hạng Sinh bát của luận Thành Thật.

Có người tự biết nhất định được Niết-bàn biếng nhác không tu, cũng do năng lực Tam-muội hữu vi nên hết đời đắc bát gọi là Vô hành bát, cho nên là Trung, ở đây đồng với Vô hành của Luận Thành Thật.

Thượng lưu bát: Người này càng độn hơn. Ở cõi trên, thân ban đầu không Bát-niết-bàn, hai thân về sau mới đắc bát gọi là Thượng lưu. Lưu (giòng) có hai thứ: Phiền não lưu và Đạo lưu. Dứt phiền não cõi dưới, kiết cõi trên dần khởi gọi là Phiền não lưu, đạo hạnh dần tăng gọi là Đạo lưu. Theo hai lưu này thứ lớp tiến lên nên nói là Thượng lưu. Trong đây chia sơ lược có bốn loại:

Bất định bát: Chưa đến trời Quảng Quả, trong có hoặc thọ hai, ba thân v.v... mà được Niết-bàn.

Nhất thiết xứ: Thứ lớp thọ thân, lên đến cõi trời Quảng Quả mới đắc Niết-bàn.

Lạc tuệ: Sinh lên cõi trời Ngũ Tịnh cư.

Lạc định: Sinh lên cõi Vô Sắc.

Hai loại người sau thực hành nhân khác nhau, một bên thích luận nghị, một bên thích vắng lặng. Người thích luận nghị sinh lên cõi trời

Ngũ Tịnh cư. Người ưa vắng lặng sinh lên cõi Vô Sắc.

Lại nữa, người do năm bậc tu huân thiền sinh lên cõi trời Ngũ Tịnh cư. Người không dùng năm bậc tu huân thiền sinh lên cõi Vô sắc.

Những gì là năm bậc huân thiền?

Là hạ, trung, thượng, thượng trung, thượng thượng.

Huân thiền thế nào?

Dùng thiền Vô lậu huân ở hữu lậu khiến định hữu lậu cho nên thanh tịnh.

Cách huân thế nào?

Hành giả tu đắc Bốn thiền định rồi, bắt đầu huân Đệ tứ thiền. Đầu tiên nhập vào nhiều tâm vô lậu, kế nhập vào nhiều tâm hữu lậu, sau nhập nhiều tâm vô lậu. Như thế lần lượt qua lại dần dần lược bớt. Cho đến hai tâm vô lậu, hai tâm hữu lậu cuối cùng. Hai vô lậu sau gọi là Huân thiền phương tiện đạo thành.

Kế đó, lại nhập vào một tâm vô lậu một tâm hữu lậu. Một vô lậu sau gọi là Huân thiền thành. Ở trong thành này năm lần qua lại: Lần đầu gọi là hạ, lần hai là trung, lần ba là thượng, lần bốn thượng trung, lần năm thượng thượng. Huân Tứ thiền rồi, kế huân Tam thiền, tiếp huân Nhị thiền, sau huân Sơ thiền. Pháp huân đều đồng nhau. Người tu huân thiền rồi, nếu không lui sụt thì trải sinh Ngũ Tịnh cư; gọi là Sinh bát không gọi Thượng lưu. Nếu người có lui sụt sinh xuống cõi trời dưới, tùy thân nhiều ít, sau lại dứt kiết, tu đắc Tứ thiền lại huân lần nữa. Cách huân giống như trước. Đối với thành tựu kia, người một lần huân sinh lên cõi trời Tiểu Quảng, cũng gọi Vô Phiền, cũng gọi Vô Phàm; người hai lần huân sinh lên cõi trời Vô Nhiệt; người ba lần huân sinh lên cõi trời Thiện Bất Khả Kiến, cũng gọi là Thiện Kiến. người bốn lần huân sinh lên cõi trời Thiện Kiến; người năm lần huân sinh lên cõi trời Vô Tiểu, Ấn Độ gọi là A-ca-ni-trá, là Sắc Rốt ráo.

Hỏi: Năm loại này theo ngay nghiệp riêng, nhuận hoặc cũng khác?

Đáp: Nghiệp riêng, nhuận hoặc chẳng khác. Các loại này đồng một chỗ ràng buộc. Như sáu tầng trời Cõi Dục thọ sinh, đồng mà nghiệp khác.

Hỏi: Ở cõi trời Ngũ Tịnh cư này có người Sinh bát và Thượng lưu chẳng?

Có chỗ giải thích rằng: Chỉ có Sinh bát mà không có Thượng lưu. Vì sao? Vì trong năm bậc huân, theo bậc hơn hết mà thọ sinh, không phải trước sinh cõi dưới sau sinh cõi trên.

Chỗ khác giải thích rằng: Cũng được vốn ở tại trời cõi dưới, hạ phẩm huân thiên sinh cõi dưới, sau sinh lên cõi trên. Sinh lên cõi trời kia rồi, lại tu thắng huân sinh lên cõi trời trên, nên được Thượng lưu. Nếu có thể năm bậc huân thiên như thế thì hay quả trách định của cõi Vô Sắc, không sinh cõi Vô Sắc. Nếu người muốn sinh lên cõi Vô Sắc, thì không thể tu năm bậc huân thiên.

Sáu loại như thế.

Hoặc chia làm bảy: Như Kinh Niết-bàn nói, sáu loại như trên thêm Vô Sắc bát.

Vô Sắc bát này và Lạc định trong sáu loại trước đây có khác nhau mà phải nói riêng?

Lạc định trước là từ cõi Sắc đi, Vô Sắc bát này từ Cõi Dục đi, không đồng với trước nên nói riêng.

Cũng được nói tám: Bảy loại như trước thêm Thượng hành bát. Thượng hành bát này là Thượng lưu bát trong Vô Sắc. Sinh lên đó một đời liền được Niết-bàn gọi là Vô Sắc bát. Người qua hai, ba, bốn thân mới được Niết-bàn gọi là Thượng hành bát, ở đây có ba bậc, như Kinh Niết-bàn (quyển 36) nói:

Có tinh tấn và tự tại định, thì thọ hai thân.

Có tinh tấn, không có định tự tại, có định tự tại mà không tinh tấn, thì thọ ba thân.

Không tinh tấn và định tự tại, hai việc đều không thì thọ bốn thân.

Hoặc chia làm mười một, như Luận Thành Thật nói:

1- Hiện bát.

2- Chuyển thế.

3- Trung bát.

4- Sinh.

5- Hành.

6- Vô hành bát.

7- Lạc định.

8- Lạc tuệ.

9- Tín giải thoát.

10- Kiến đáo.

11- Thân chứng.

Hiện bát và Chuyển thế trước hợp thành một. Trong đó chia riêng nương vào thân phạm tu đắc A-na-hàm, tức ở thân hiện tại tu đắc Niết-bàn gọi là Hiện bát. Trên thân Bậc Thánh trải sinh Cõi Dục sau được A-

na-hàm, tức ở thân hiện tại được Niết-bàn gọi là Chuyển Thế. Chuyển thân Thánh đắc A-na-hàm trước nên có chỗ khác nhau ấy. Vì vậy chia ra hai loại riêng.

Hạng Chuyển thế này có bốn chỗ đến:

- Đối với Trên quả Tu-đà-hoàn đổi đời mà đến.
- Trong hạnh Tư-đà-hàm đổi đời mà đến.
- Trên quả Tư-đà-hàm chuyển đời mà đến.
- Trong hạnh A-na-hàm chuyển đời mà đến.
- Hai loại đầu như thế.

Trung bát, Sinh đắc bát, Hành, Vô hành bát đều như giải thích ở trước. Lạc định, Lạc tuệ là trong Thượng lưu ở trước tùy biệt mà chia ra, tên Thượng lưu, nêu ra hai tên này, nghĩa như trên giải thích.

Hỏi: Trước nói người Thượng lưu có bốn loại là Bất định bát và Nhất thiết xứ, Lạc định, Lạc tuệ. Luận Thành Thật vì sao chỉ nêu hai loại sau?

Đây là lời không trọn, nói theo chỗ hơn thì do hai loại người sau nhân riêng, quả khác cho nên nêu riêng. Tuy chia ra hai loại này đầu nhiếp Thượng lưu nên vẫn không trọn.

Nếu không trọn, Bất định bát và Nhất thiết xứ kia trong mười một loại người xếp vào chỗ nào?

Nhiếp chung vào Tín giải thoát và Kiến đáo. Vì hai căn này thu nhiếp luôn tất cả. Tám loại trên đây tùy thân, tùy hạnh, tùy nghĩa để chia. Hiện, Trung và Sinh là tùy thân chia khác; Hành, Vô hành bát là tùy hạnh chia khác; Lạc định, Lạc tuệ là tùy hạnh và tùy thân để chia khác; một loại Chuyển thế là tùy nghĩa mà chia khác. Trong tám hạng người này, có người độn căn gọi là Tín giải thoát. Vì tin lời người mà được giải thoát. Có người lợi căn gọi là Kiến đáo, tự tâm thấy pháp đến được giải thoát. Người đắc Diệt định gọi là Thân chứng. Người được Diệt định tâm diệt, định tự tại hợp với thân, nên nói là Thân chứng.

Mười một loại như thế.

Nếu tùy căn địa, chủng tánh, nơi chốn, ly dục v.v... chia ra thì có vô lượng; như Tạp Tâm nói.

Nói về tướng như thế.

- Phân biệt Lợi - Độn khai hợp nói về định:

Cốt yếu chỉ chia hai: Lợi và độn. Độn là Tín thoát, Lợi là Kiến đáo. Hai loại này chung khắp. Theo tướng chia thô thì trong sáu loại trước, Hiện bát là Lợi căn, còn lại là Độn căn.

Hoặc chia làm ba: Lợi, Độn, Trung. Đây cũng gọi là Thượng,

Trung, Hạ căn. Tùy khác chia thô, trong sáu loại trước, Hiện bát là Lợi, Trung bát là Trung căn, ngoài ra là Độn căn.

Nói theo thật thì trong người Hiện bát có lợi, độn, trung. Ngay Hiện bát là lợi, chuyển thế Hiện bát có Độn có Trung, nhiều thân chuyển thế là Độn, ít đời gọi là Trung.

Trong hạng Trung bát có lợi, độn; Trung như Kinh Niết-bàn và Luận Thành Thật nói. người chưa lìa Cõi Dục mà đắc Niết-bàn là lợi; mới lìa Cõi Dục chưa đến cõi Sắc mà đắc Niết-bàn là trung, người đến bên cõi Sắc mới đắc bát là độn.

Sinh bát, Hành bát, Vô hành bát có lợi, độn, trung, đều nói không nhất định. Theo Luận Tỳ-đàm thì Sinh bát là lợi, Hành bát là trung, Vô hành là Độn. Nên kia nói rằng: Nương lợi căn và phiền não yếu ớt mà lập ra Sinh bát. Nương trung căn và phiền não bậc trung mà dựng lập Hành bát. Nương độn căn và phiền não bậc thượng lập Vô hành bát.

Nếu theo Luận Thành Thật thì Sinh bát là lợi nhất, tương tự với ở trước. Vô hành là Trung, Hành bát là Độn.

Nếu theo Kinh Niết-bàn thì Hành bát lợi nhất, Vô hành là trung, Sinh bát là độn, đều như trên đã nói.

Trong Thượng lưu bát cũng có lợi, độn, trung khác nhau. Như Luận Thành Thật nói: Một thân là Lợi, hai, ba thân là Trung, Nhất thiết xứ là Độn. Lại phân biệt thêm. Bất định là lợi, Nhất thiết xứ là trung; Lạc định, Lạc tuệ đều gọi là Độn. Nếu lại nói kỹ thì mỗi loại đều có lợi, độn, trung riêng.

Hoặc lại chia ra sáu Chủng tánh: Thối, Tư, Hộ, Trụ, Thắng tấn, Bất động.

Thiện căn đã được có thể lui sụt là Thối, chẳng phải đã lui sụt, dùng thêm suy nghĩ phát nguyện mới được không lui sụt gọi là người Tư pháp. Sợ phiền não lui sụt, thường tự phòng hộ mà được không lui, gọi là người Hộ pháp. Gốc lành đã được không lui không tiến gọi là người Trụ pháp. Gốc lành đã được ắt có thể tiến lên, gọi là Tấn thắng tấn. Thiện căn đã được vững chắc không lui gọi là Bất động. Trong đây, hoặc có căn bản bất động, hoặc có tăng tiến mới được Bất động.

Theo Luận Tỳ-đàm, từ người Hiện bát cho đến Thượng lưu đều có sáu loại này.

Lợi - độn như thế.

- Nói về A-na-hàm dứt kiết nhiều ít:

Như trong kinh nói: Dứt năm hạ kiết sử và các lỗi không hổ, thẹn, bỗ sỗ, ghen ghét v.v... thành A-na-hàm.

Năm kiết là thân kiến, giới thủ, nghi, tham dục, và tức giận. Ba loại trước ở đầu đã dứt, ở đây không dứt, nên nói chung. Lại nữa, ba loại trước cũng có nghĩa A-na-hàm đích thân dứt. Trong năm kiết này ba thứ trước theo Luận Thành Thật có đầy đủ hai loại hạ, gọi là hạ kiết.

- Chúng sinh hạ, chỉ có phàm phu khởi.

- Chướng hạ, quả cũng gọi hạ kiết, chỉ chướng Sơ quả.

Nếu theo Luận Tỳ-đàm, chỉ có chúng sinh hạ gọi là hạ kiết, nghĩa đồng với giải thích ở trước; chẳng phải chướng hạ quả gọi là Hạ kiết. Ba loại này chướng chung ba thứ quả Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm, A-na-hàm. Hai loại sau là phiền não Cõi Dục, vì cõi thấp nên gọi là hạ kiết. Thủ quả A-na-hàm chỉ dứt năm kiết này. Tiến hưởng A-na-hàm dứt cả thượng kiết; chỉ tâm giải thoát cuối cùng của phi tướng địa mà chưa khắc chứng.

A-na-hàm như thế.

- GIẢI THÍCH RIÊNG NGHĨA A LA HÁN:

Trong đây chia làm ba môn:

- Nói về thể.

- Nói về tướng.

- Nói về nghĩa dứt kiết nhiều ít.

- **Nói về thể:** Quả A-la-hán lấy Thánh đức làm thể. Trong quả A-la-hán, Thánh đức có hai:

Quả thể: Theo Luận Tỳ-đàm phân biệt hành tu; chỉ giải thoát cuối cùng trong chín phẩm trị của phi tướng địa là quả thể của A-la-hán. Trong thể này chia ra làm Tận trí và trí Vô sinh. Chỗ đắc của người độn căn gọi thẳng là Tận trí. Chỗ đắc của người lợi căn gọi là Tận trí và trí Vô sinh.

Vì sao? Vì người độn căn kia khi được trí này có khả năng dứt hẳn các hoặc nên gọi là Tận trí, không thể bảo đảm kiết sử quá khứ, vị lai không sinh. Vì nghĩa này nên chẳng phải trí Vô sinh. Chỗ đắc của lợi căn hiện sạch các hoặc, còn gọi là Tận trí; lại có thể bảo đảm kiết đã qua, sắp đến không sinh gọi là trí Vô sinh.

Hỏi: Tận trí và trí Vô sinh là ở một niệm hay nối tiếp?

Tông kia lập mỗi thứ riêng một niệm, không có nghĩa khác nhau. Nên luận nói rằng: Hai niệm còn không có, hướng chi là nhiều niệm nối tiếp.

Hỏi: Nếu đây gọi là một niệm, làm sao chia ra bốn trí khác nhau được?

Đáp: Một niệm nghĩa riêng nên nói bốn, chẳng phải có bốn niệm trước sau.

Nghĩa này thế nào?

Một niệm sạch hết tập nhân gọi là ta sinh tử đã hết. Đạo hạnh thành tựu viên mãn gọi là Phạm hạnh đã lập. Chứng diệt cùng cực gọi là việc làm đã xong. Xả bỏ hẳn khổ vị lai gọi là không thọ thân sau. Trong trí Vô sinh nghĩa cũng chia như thế. Hành tu như vậy.

Phân biệt Đắc tu nhiếp chung tất cả vô lậu ở trên, hợp thành một loại quả A-la-hán.

Nghĩa này thế nào?

Lúc chứng A-la-hán, tất cả các vô lậu trong nhân cùng một lúc chóng xả, riêng có một loại quả mới được sinh, được giải thoát cuối cùng của Phi tướng kia và được tất cả vô lậu ở trước, hợp thành một loại quả A-la-hán.

Nếu theo Luận Thành Thật thì chỉ nói hành tu, không lập đắc tu. Cho nên chỉ nói Phi tướng giải thoát là quả A-la-hán. Ở trong quả này chẳng kể lợi độn, đều Tận trí và trí Vô sinh. Thánh tuệ vô lậu mà tông này lập dứt nhân sinh tử gọi là Tận trí, giúp cho bao giờ không còn thọ quả sau nữa, gọi là trí Vô sinh. Phi tướng giải thoát đủ hai công năng này, cho nên tất cả đều có hai trí. Hai trí đồng thể tùy nghĩa để chia, nhiều niệm nối tiếp chẳng phải chỉ một niệm.

Quả thể như thế.

Vô học đẳng kiến: Dứt không còn sinh thân ở sau, du cho quán vô lậu.

Nói về thể như thế.

- **Nói về tướng:** Khai hợp không nhất định.

Chung chỉ có một.

Hoặc chia làm hai: Tuệ giải thoát và Câu giải thoát.

Chẳng đắc Diệt định gọi là Tuệ giải thoát, đắc Diệt định gọi là Câu giải thoát.

Lại chia hai loại: Thời giải thoát và Bất thời giải thoát. Người độn căn nhờ thời gian, nơi chốn mới được giải thoát, gọi là Thời giải thoát. Người lợi căn không cần thời, xứ mà được giải thoát gọi là Bất thời giải thoát.

Hoặc chia ra sáu loại, như Luận Tỳ-đàm nói:

1- Thối. 2- Tư. 3- Hộ. 4- Trụ. 5- Tất thẳng tấn. 6- Bất động.

Thối pháp: Vốn ở Học địa, không có phương tiện thường, không có phương tiện đốn, sở đắc có thể lui sụt, gọi là người Thối pháp.

Tư pháp: Cũng không có hai phương tiện Thường và Đốn, có khả năng tư nguyện (suy nghĩ, phát nguyện) khiến hạnh không lùi gọi là người Tư pháp.

Hộ pháp: Có phương tiện thường, không có phương tiện đốn, thường tự phòng hộ khiến hạnh không lùi, gọi là người Hộ pháp.

Người Trụ pháp: Có phương tiện đốn, không có phương tiện thường; gốc lành có được không tiến không lùi nên gọi là Trụ.

Tất Thăng tấn: Có phương tiện thường và có phương tiện Đốn, mà là độn căn dùng hai phương tiện được Bất động, được gọi là tất thăng tiến.

Bất động pháp: Có phương tiện Thường, có phương tiện Đốn mà là lợi căn sở đắc vững chắc, nên gọi là Bất động. Trong đây có hai:

- Xưa nay Bất động.
- Đến quả ở giữa tiến là bất động.

Trong sáu loại này, nếu nói người thối thì chắc chắn thối chuyển, cho đến Tất Thăng tấn thì chắc chắn tiến lên là A-la-hán Cõi Dục chẳng phải hai cõi trên. Hai cõi trên chỉ có pháp Trụ và pháp Bất động. Nếu nói lui sụt là có thể lui chứ không chắc chắn lui, cho đến tiến là có thể tiến gọi là Tấn. Dù khiến người Thối pháp, người này tiến Tạo Tư, Hộ, Trụ v.v... sau đó xa lìa thối thất, trụ chững tánh cũ, không để thối thất.

Nói như trên là A-la-hán ba cõi đều có đủ sáu loại. Trong sáu loại, năm loại trước là Thời giải thoát, một loại sau là Bất thời giải thoát.

Có chỗ chia làm chín, như luận Thành Thật nói:

- 1- Thối tướng, 2- Thủ tướng, 3- Tử tướng, 4- Khả tiến tướng
- 5- Trụ tướng, 6- Bất hoại tướng, 7- Bất thối tướng, 8- Tuệ giải thoát, 9- Câu giải thoát.

Luận tự giải thích rằng: Vì các căn như Tín v.v... nên có khác nhau. Người độn căn nhất gọi là Thối tướng, tương đương với người thối pháp của Luận Tỳ-đàm. Nhưng trong Luận Tỳ-đàm thì lui mất Thánh đạo, trong Luận Thành Thật là lui mất Tam-muội, nên trí tuệ vô lậu không thể hiện tiền.

Hỏi: Nếu lui sụt Thánh tuệ không hiện, vì sao được thành quả A-la-hán?

Đáp: Tuy lui nhưng có được trở lại, được rồi phát tuệ nên thành A-la-hán.

Thủ tướng: Căn cơ hơn người trên một tí. Vì sao hơn? Vì người thối pháp trước tuy tự phòng hộ mà chắc lui mất. Người chấp tướng này không đề phòng thì lùi, để phòng thì không lùi, Tam-muội không lui sụt.

Đây tướng đương với người Hộ pháp của Tỳ-đàm.

Tử tướng: Căn cơ càng cao hơn trước, chán ghét sâu xa các cõi (hữu), không thể đắc định, không đắc định nên trí tuệ vô lậu khó được hiện tiền. Dù được cũng sợ mất, muốn tìm cách tự hại nên gọi là Tử tướng, như Cù Để v.v... ở đây tướng đương với người Tư pháp của Luận Tỳ-đàm. Ba hạng người này trụ trong Tam-muội, phần lui sụt.

Trụ tướng: Tam-muội đã đắc không tiến không lùi, ở đây tướng đương với người trụ pháp của Luận Tỳ-đàm. Người này trụ trong Tam-muội, phần Trụ.

Khả tiến tướng: Tam-muội đã đắc càng tăng thêm sâu xa gọi là tướng có thể tiến. Lên ở đây tướng đương với Tát Thăng tấn của Luận Tỳ-đàm. Người này trụ trong Tam-muội, phần tăng.

Bất hoại tướng: Tam-muội đã được, nhiều thứ nhân duyên không thể làm bại hoại gọi là Tướng chẳng hoại. Người này trí tuệ bén nhạy, khéo giữ tướng nhập, trụ, khởi của Tam-muội nên không thể hoại.

Bất thối tướng: Người này công đức cao nhất đã được trọn vẹn không thối thất, gọi là tướng Bất thối.

Hai loại người sau này trụ định, phần đạt, tướng đương với người Bất động trong Luận Tỳ-đàm. Ở hạng người trước không đắc Diệt định gọi là Tuệ giải thoát, người đắc Diệt định gọi là Câu giải thoát.

Chín loại như thế.

Nếu chia kỹ, đến vô lượng.

Nói về tướng như thế.

- Nói về A-la-hán dứt kiết nhiều ít:

Trong kinh nói rằng: Dứt năm thượng kiết, thành A-la-hán. Năm là Sắc nhiễm và Vô sắc nhiễm; Vô minh, kiêu mạn và Trạo hý. Tham ái cõi Sắc gọi là Sắc nhiễm. Tham ái Vô Sắc gọi là Vô sắc nhiễm. Hai loại này trong mười sử đều là tham sử, Vô minh là Si sử, Kiêu mạn là Mạn sử, đây là sử tánh ở trước. Trạo hý là trạo triền. Năm loại này là phiền não cõi trên, nên gọi là thượng kiết. Lại nữa, chỗ khởi của bậc thượng nhân A-na-hàm cũng gọi là thượng kiết.

Hỏi: Ở đây đâu có gì khác với phiền não bốn lưu, bốn ách.

Đáp: Năm loại này nói chung cũng thuộc về lưu ách, nhưng lưu và ách thì phạm Thánh khởi chung. Còn năm loại này chỉ là chỗ khởi của Bậc Thánh, vì là kiết của A-na-hàm khởi. Chỗ dứt sạch năm loại này gọi là quả A-la-hán, nên nói A-la-hán dứt năm thượng kiết.

Hỏi: Vì sao trong mười sử, chỉ nói A-la-hán dứt tham, si, mạn; không nói cái khác?

Theo trong mười triền của Luận Tỳ-đàm, tám triền ở tại Cõi Dục; đến A-na-hàm thì sạch nên ở đây không nói. Hai triền thù và trạo chung cả hai cõi trên. Thù tức là kiết còn lại. Tất cả phiền não đắm say cảnh giới gọi là Thù. Theo các kiết khác đã nói nên không trình bày riêng. Lại nữa, thù miên thuận với chánh thọ nên không nói tới.

Nếu theo Luận Thành Thật, thù ở tại Cõi Dục nên không nói Thù. Trạo khác nhau với trước nên nêu riêng.

Hỏi: A-la-hán dứt trừ trạo triền gọi là Thượng kiết. Bạc A-na-hàm dứt các triền: Vô tầm quý, san, tật, phẫn, phú, hối, miên v.v... vì sao không gọi là hạ kiết?

Đáp: Cùng như nhau lẽ ra gọi là hạ kiết. Nhưng A-na-hàm dứt lỗi rất nhiều, phân biệt gốc khác ngọn nên theo sử mà nói năm hạ kiết. Triền, cấu luận riêng. Bạc A-la-hán dứt lỗi ít hẹp, nên chung luôn sử và triền nói là năm thượng kiết.

Hỏi: Trước nói A-na-hàm dứt năm hạ kiết, trong năm hạ kiết, thân kiến, giới thủ và nghi kiết thì Tu-đà-hoàn đã dứt. Nhiếp trước theo sau chung thành A-na-hàm dứt năm kiết. Nay nói A-la-hán, vì sao không nhiếp được trước theo sau hợp lại dứt mười kiết mà chỉ nói dứt năm?

Đáp: Trong năm hạ kiết kia, ba loại đầu chia tướng để nói thì là chỗ dứt của Tu-đà-hoàn. Dùng thật để nói kỹ thì cũng có nghĩa A-na-hàm đích thân dứt, cho nên nhiếp được nó, hợp thành năm kiết do A-na-hàm dứt; không có nghĩa A-la-hán đích thân dứt, cho nên không nhiếp được nó theo sau; để nói rằng A-la-hán dứt trừ mười kiết. Nghĩa này thế nào?

Trong năm hạ kiết, ba kiết đầu là ba chỗ thân dứt:

Thứ đệ nhân, thân dứt ba kiết thành Tu-đà-hoàn.

Siêu việt Tư-đà-hàm thân dứt ba kiết thành Tư-đà-hàm. Người này lúc phạm dứt trừ Dục kiết đến sáu phẩm dứt, sau nhập kiến đạo dứt trừ ba kiết. Lúc đến đạo tỷ trí thứ sáu tức thành Tư-đà-hàm. Nên Kinh nói rằng: Bạc Tư-đà-hàm dứt trừ ba kiết, làm nhẹ mỏng tham, sân, si.

Siêu việt A-na-hàm, thân dứt ba kiết thành A-na-hàm. Người này lúc phạm dứt trừ Dục kiết đến chín phẩm hết sạch, sau nhập kiến đạo dứt trừ ba kiết. Lúc đến đạo Tỷ trí thứ sáu liền thành A-na-hàm. Vì có nghĩa này cho nên trong kinh nói A-na-hàm dứt năm hạ kiết, không có dứt trừ năm hạ kiết hết, liền chứng A-la-hán. Cho nên không nói A-la-hán dứt mười kiết.

A-la-hán như thế.

Hiền Thánh Thanh văn lược nói như vậy.

- NÓI VỀ DUYÊN GIÁC

Trong đây chia làm ba môn:

- Giải thích danh nghĩa
- Phân biệt Đối với tiểu
- Phân biệt Đối với đại

- Giải thích danh nghĩa:

Duyên giác, âm Phạm, dịch đúng là Bích-chi-phật. Hán âm là Bích-chi, nghĩa là Nhân duyên, Phật dịch là Giác. Danh nghĩa Duyên giác có hai giải thích:

Giải thích theo pháp môn được quán:

Duyên là pháp mười hai Nhân duyên, bắt đầu từ Vô minh cho đến già chết, quán như thế ngộ hiểu, từ Duyên mà được giác nên gọi là Duyên giác.

Giải thích theo nhân duyên đặc đạo:

Như trong Kinh Bích-chi-phật Đặc Đạo Nhân Duyên có nói rộng, như Phát-ca-sa nghĩ về gió động cây mà được ngộ đạo, những việc như thế đều nhờ duyên theo việc hiện tại mà được giác ngộ, nên nói là Duyên giác.

Danh nghĩa như thế.

- Phân biệt Đối với tiểu:

Chia ra hai môn:

- Đối với Tiểu nói về tướng.
- Nói về đồng khác.

+ *Nói rõ tướng:*

Kinh nói sự khác nhau giữa Thanh văn và Duyên giác có hai môn:

Để chia theo pháp môn đã quán: Người quán Sát bốn Đế mà đặc đạo đều là Thanh văn, người quán mười hai Nhân duyên mà đặc đạo gọi là Duyên giác.

Nếu theo nghĩa này thì ở hiện tại gặp Phật nói cho nghe pháp mười hai Nhân duyên mà đặc đạo cũng thuộc Duyên giác, nên kinh nói rằng: Vì dạy Thanh văn nói bốn chân đế. Vì dạy Duyên giác nên nói mười hai Nhân duyên.

Trong các Duyên giác này chia kỹ có hai loại:

Duyên giác, duyên giác: Người này xưa nay cầu đạo Duyên giác, thường ưa quán Sát pháp mười hai Nhân duyên thành tánh Duyên giác. Ở thân cuối cùng không gặp đời có Phật, mượn việc hiện tại mà được ngộ đạo. Xưa có tánh Duyên giác, nay mượn việc để duyên mà được

giác nên gọi là Duyên giác - duyên giác.

Thanh văn - duyên giác: Người này xưa nay cầu đạo Duyên giác, cũng ưa quán Sát pháp mười hai Nhân duyên thành tánh Duyên giác. Ở thân cuối cùng gặp Phật nói cho nghe pháp mười hai Nhân duyên mà được ngộ giải. Theo tiếng Phật nói, nghe mà được giác nên gọi đó là Thanh văn duyên giác. Ma-ha-ca-diếp là loại người này. Trong Kinh nói vì các Duyên giác nói mười hai nhân duyên, chính là ở đây. Đây cũng gọi là Duyên giác Thanh văn, nên trong hàng Thanh văn trên đã nói.

Đây là một môn trước, để phân biệt theo pháp.

Để phân biệt theo nhân duyên đắc đạo; từ người khác nghe tiếng mà đắc đạo đều gọi là Thanh văn. Cho nên nhóm Ma-ha-ca-diếp tuy quán Sát pháp mười hai nhân duyên mà được ngộ đạo, vì theo Phật nghe, được ngộ giải nên trong kinh nói là chúng Thanh Văn.

Người nhờ duyên theo việc hiện tại mà đắc đạo đều gọi là Duyên giác, nếu theo nghĩa này cho đến bậc Tu-đà-hoàn bảy đời thọ sinh, ở thân cuối cùng không gặp đời có Phật, duyên theo việc hiện tại mà đắc đạo cũng thuộc về Duyên giác.

Trong các Duyên giác này chia kỹ có hai loại:

Duyên giác - duyên giác: Nghĩa như trên đã giải thích.

Thanh văn - duyên giác: Người này xưa nay cầu đạo Thanh văn, quán Sát đạo bốn Đế, ngộ Sơ quả. Vì căn độn nên đời hiện tại không được Niết-bàn; thọ sinh bảy lần trên cõi trời, trong loài người. Ở thân sau cùng không gặp đời có Phật, duyên theo việc hiện tại mà được giác nên gọi là Duyên giác. Cho nên gọi là Thanh văn Duyên giác. Đây cũng gọi là Duyên giác Thanh văn, nên trong các Thanh văn ở trên đã nói.

Trong đây nên chia làm bốn trường hợp:

Thanh văn mà không phải Duyên giác, nghĩa là Thanh văn Thanh văn. Nghĩa này như trên đã giải.

Duyên giác mà chẳng phải Thanh văn, nghĩa là Duyên giác Duyên giác, đây cũng như trên đã giải thích.

Vừa là Thanh văn, vừa là Duyên giác là Tu-đà-hoàn thọ sinh bảy lần. Ở thân cuối cùng không gặp đời có Phật mà giác ngộ một mình.

Duyên giác cũng là Thanh văn, là thân cuối cùng gặp Phật nói cho nghe pháp mười hai Nhân duyên mà ngộ giải.

Nói về tướng như thế.

+ *Giải thích đồng khác:*

Trong bốn hạng trên, trước y theo hai loại đầu để nói về đồng khác.

(a) Nghĩa đồng: Đồng có năm thứ:

- Thấy lý đồng: Đồng thấy “Sinh không”, luận Địa Trì nói: Thanh văn, Duyên giác thấy ấm, lìa ấm đều không có ngã được. Ấm và lìa ấm đều không có tánh; ngã nhân.

- Dứt chướng đồng: Đồng dứt Bốn trụ, không thọ phần dứt. Như Kinh Thắng-man nói.

- Tu hành đồng: Đồng tu ba mươi bảy Pháp đạo phẩm, luận Địa Trì nói: Đạo đồng Thanh văn.

- Đắc quả đồng: Đồng đắc quả Tận trí và trí Vô sinh. Địa Trì nói: Ở thân cuối cùng không thấy tự ngộ, đắc quả A-la-hán gọi là Duyên giác.

- Chứng diệt đồng: Đồng chứng Niết-bàn hữu dư, vô dư.

Năm loại này nói kỹ thì chẳng phải không khác nhau chút ít, còn nói chung thì tất cả các Thanh văn, Duyên giác đều đồng.

Nghĩa khác: Nghĩa khác có sáu thứ:

- Căn khác: Thanh văn độn căn, Duyên giác lợi căn.

Hỏi: Duyên giác thấy lý đồng với Thanh văn, vì sao lại là lợi căn?

Đáp: Thấy lý tuy đồng Thanh văn, nhưng sáng suốt thanh tịnh mau chóng nên được gọi là lợi căn. Lại, dứt phiền não tuy đồng Thanh văn nhưng tinh tấn mau lẹ, lại không lui sụt nên cũng gọi là lợi.

- Chỗ nương khác: Thanh văn nương thầy, Duyên giác không nương.

- Nương duyên khác: Thanh văn nhờ vào giáo pháp làm duyên mà được ngộ đạo, duyên giác mượn sự tướng hiện tại để duyên mà được ngộ giải.

- Sở quán khác: Thanh văn quán Sát pháp Bốn chân đế. Duyên giác quán Sát pháp mười hai Nhân duyên.

Hỏi: Kinh Thắng-man nói rằng:”Hàng Thanh văn, Duyên giác ban đầu quán Thánh đế”. Văn ấy lại nói:”Thanh văn Duyên giác sẽ được Thế Tôn vì họ giảng nói bốn y”. Bốn y là Bốn Thánh đế, cho nên Duyên giác cũng quán bốn Đế, vì sao nói rằng Duyên giác quán nghiêng về mười hai duyên?

Đáp: Duyên giác tuy quán Nhân duyên nhưng cũng có Nhân duyên quán riêng bốn Đế, cho nên trong kinh nói đó là quán đế.

Nghĩa này thế nào?

Trước Noãn, Đảnh có quán riêng mười hai duyên sự ba đời, tạo quán niệm riêng; quán mười hai duyên vô thường, khổ v.v... tạo quán niệm chung. Từ Noãn, Đảnh trở lên theo mười hai duyên, tạo quán Bốn mươi bốn trí, gọi là quán đế.

Bốn mươi bốn trí là gì?

Mười hai nhân duyên, nhân quả thuộc nhau thành mười hai cặp. Trước theo cặp sau làm bốn Đế quán là: Lão tử khổ, lão tử tập, lão tử diệt, lão tử đạo. Bắt đầu thì quán khổ, thứ hai quán tập, thứ ba quán diệt, thứ tư quán đạo. Như thế suy ngược lên đến cặp đầu tiên, mỗi cặp bốn quán, cho nên hợp chung có Bốn mươi bốn quán, vì vậy Duyên giác được gọi là Quán đế.

Hỏi: Kinh nói mười hai Nhân duyên là quán hạ trí, Bồ-đề của Thanh văn là trung trí quán, Bồ-đề của Duyên giác cho đến A-nậu Bồ-đề thượng thượng. Cho nên Thanh văn cũng quán nhân duyên, nay vì sao nói Thanh văn quán riêng Bốn chân đế?

Đáp: Thanh Văn tuy quán bốn Đế, mà khổ, tập trong bốn Đế chính là pháp sinh tử mười hai duyên, cho nên cũng gọi là quán mười hai duyên.

Tướng chung như thế. Trong đây phân biệt Thanh Văn chánh quán pháp môn bốn Đế. Duyên giác chánh quán môn mười hai duyên. Đây là điều khác nhau thứ tư.

- Hưởng quả khác: Trong Thanh văn có bốn hưởng, bốn quả. Trong Duyên giác có một hưởng, một quả. Vì sao như thế?

Thanh Văn độn căn, không thể dùng một quán nối tiếp đến rốt ráo, phải có vài lần nghỉ mệt nên chia ra nhiều quả. Vì nhiều quả nên thú hưởng cũng khác.

Duyên giác lợi căn, một lần nhập Thánh quán nối tiếp không dứt quãng cho đến rốt ráo, không có chỗ nghỉ giữa chừng nên không nhiều quả. Không có nhiều quả nên không lập ra nhiều hưởng. Chỉ đối với một quán nối tiếp, chỗ chưa viên mãn gọi là một hưởng, chỗ đầy đủ gọi là một quả. Nên trong Địa Kinh nói mười Thánh tánh. Thanh văn nhiều nên chia làm tám, Duyên giác chỉ lập ra hai.

- Thông dụng khác: Như Địa Trì nói người Thanh văn có hai ngàn cõi nước là cảnh giới chung suốt. Duyên giác cảnh giới suốt thông là ba ngàn. Lại nữa, như Luận Đại Trí Độ nói: Trong Tiểu Thanh văn, người không tác ý thì thông một ngàn cõi nước, người tác ý thì cảnh giới thông suốt là hai ngàn cõi nước. Trong Đại Thanh văn, người không tác ý, cảnh giới thông suốt là hai ngàn cõi nước, người tác ý thì ba ngàn cõi

nước là cảnh giới thông suốt.

Trong hàng Duyên giác có đại, có tiểu. Tiểu Duyên giác không tác ý có hai ngàn cõi nước là cảnh giới thông suốt; còn người tác ý thì ba ngàn cõi nước là cảnh giới thông suốt. Đại Duyên giác bất luận tác ý hay không tác ý đều lấy cõi nước tam thiên đại thiên làm cảnh giới thông suốt. Những loại này đều gọi là Thông dụng khác.

Lại nữa, như Luận Thành Thật chép: Thanh văn muốn biết tâm ban đầu của Tu-đà-hoàn thì đến tâm thứ mười sáu mới bắt đầu biết được. Hàng Duyên giác muốn biết sơ tâm, đến tâm thứ sáu sẽ biết được, đây cũng là thông dụng khác biệt.

Hỏi: Vì sao muốn biết sơ tâm mà đến tâm thứ sáu mới bắt đầu biết?

Đáp: Duyên giác tác ý muốn biết tâm khổ pháp nhẫn của Tu-đà-hoàn, ngưng tâm quán Sát, nhẫn kia đã mất, nhập khổ pháp trí, theo sau mà quán. Trí kia đã mất, duyên khổ cõi trên, nhập khổ tử nhẫn và khổ tử trí. Duyên giác đối với pháp hữu lậu Cõi Dục mà dò xét. Kia đã xả khổ cõi trên, duyên tập của Cõi Dục, lúc nhẫn thì chưa biết, đến Tập pháp trí mới bắt đầu biết., cho nên nói biết tâm thứ sáu.

Hai hạng người đầu tiên đồng, như thế.

(b) Để biện đồng, đem hạng thứ ba so sánh với hai hạng trước.

Trong Tu-đà-hoàn kia có bảy lần thọ sinh. Ở thân cuối cùng không gặp đời có Phật, bậc Độc Giác này: So với hàng Thanh văn - Thanh văn ở trước có chín điều đồng và hai điều khác.

Chín điều đồng là:

1- Thấy lý đồng, 2- Dứt chướng đồng, 3- Tu hành đồng, 4- Đắc quả đồng, 5- Chứng diệt đồng, 6- Căn tánh đồng, 7- Quán pháp đồng. 8- Hướng quả đồng, 9- Thông dụng đồng, đều như trên đã nói.

Hai khác:

- Y chỉ khác, vì ở thân rốt sau không nương thầy.

- Mượn duyên khác: Không nhờ ngôn giáo mà đắc quả.

So với bậc Duyên giác - Duyên giác trước có bảy đồng và bốn khác.

Bảy điều đồng là:

1. Thấy lý đồng

2. Dứt chướng đồng

3. Tu hành đồng

4. Đắc quả đồng

5. Chứng diệt đồng: Y theo trước có thể biết.

6. Y chỉ đồng: Ở thân rốt sau không nương lời thầy.
7. Mượn duyên đồng: Đồng nhờ sự duyên mà đắc đạo.

- Bốn điều khác là:

1. Căn khác: Người này độn căn.
2. Quán pháp khác: Ở đây giác ngộ bốn ĐẾ.
3. Hương quả khác: Người này đầy đủ bốn hương, bốn quả.
4. Thông dụng khác: Người này thông kém.

(c) Để nói về đồng, khác đem hạng thứ tư so với hai hạng người đầu.

Người ở thân rốt sau gặp Phật nói cho nghe pháp mười hai nhân duyên mà được giác ngộ:

So với Thanh văn, Thanh văn trước có bảy điều đồng, bốn điều khác.

Bảy điều đồng là:

- Thấy lý đồng
- Dứt chướng đồng
- Tu hành đồng
- Đắc quả đồng
- Chứng diệt đồng.
- Đều như trên đã nói.
- Y chỉ đồng: Nương thầy mà được độ.
- Mượn duyên đồng: Đồng nhờ ngôn giáo.

Bốn điều khác là::

1. Căn tánh khác: Người này lợi căn.
2. Giác pháp khác: Ở đây giác ngộ nhân duyên.
3. Hương quả khác: Ở đây không có bốn hương, bốn quả khác

nhau.

4. Thông dụng khác: Người này thông hiểu cao siêu.

So với Duyên giác thì Duyên giác trước có chín điều đồng, hai điều khác:

Chín điều đồng là:

1. Thấy lý đồng
2. Dứt chướng đồng
3. Tu hành đồng
4. Đắc quả đồng
5. Chứng diệt đồng
6. Căn tánh đồng
7. Quán pháp đồng

8. Hương quả đồng (một hương, một quả)

9. Thông dụng đồng.

Đều như trên đã nói.

Hai điều khác là:

1. Y chỉ khác: Người này nương thầy.

2. Mượn duyên khác: Ở đây mượn ngôn giáo.

Đối với Tiểu như thế.

- Phân biệt Đối với Đại:

Ở đây có hai:

- Đối đại nói về tướng

- Nói về đồng khác.

+ *Nói về tướng:*

Duyên giác có hai:

- Duyên giác Chứng tánh: Người này xưa nay tu tập đạo Duyên giác thành tựu tánh Duyên giác. Ở thân cuối cùng quán pháp Nhân duyên chứng quả Duyên giác.

- Duyên giác Thối chuyển: Người này quá khứ từng tu tập Đại thừa, sau thối trụ.

Trong đây cũng được chia làm ba:

Hai loại đầu như trên, thêm một loại Ứng hoá Duyên giác; nghĩa là Phật, Bồ-tát ứng hiện làm. Trong kinh Duy-ma Cật, Thiên Nữ nói: Dùng pháp Nhân duyên giáo hóa chúng sinh, ta làm Bích-chi. Pháp Hoa cũng nói: Biết chúng ưa Tiểu, sợ Đại trí, cho nên Bồ-tát làm Thanh văn Duyên giác như thế v.v...

Tướng chia như thế.

+ *Nói về đồng khác Đối với Đại thừa:*

Đồng: Bích-chi-phật một lần nhập Thánh đạo, không bao giờ lui sụt nữa, đồng với Bồ-tát, không như Thanh văn đắc quả Thánh mà lui sụt.

Vì sao Duyên giác hoàn toàn không lui sụt?

Vì lợi căn, thuần dùng vô lậu mà dứt lậu kiết, cho nên không lui sụt đồng với Bồ-tát. Trong kinh Niết-bàn nói Bích-chi-phật và các Bồ-tát đều là bồ chí.

Khác: Lược có mười loại:

- Nhân khác: Bích-chi-phật kia chỗ tu ở quá khứ nhỏ hẹp, lấy gốc lành làm gốc, không rộng giáo hóa chúng sinh nên gọi là hẹp, không cầu trí Phật nên nói là nhỏ, không biết Bồ-tát nhân hạnh rộng lớn.

- Căn khác: Duyên giác độn căn, Bồ-tát lợi căn. Sự hiểu biết của

Duyên giác cạn hẹp không mau lẹ, nên gọi là Độn. Chỗ hiểu biết của Bồ-tát sâu rộng, mau chóng nên gọi là Lợi.

- Tâm khác: Duyên giác sợ khổ, chóng cầu nhập diệt. Bồ-tát không sợ, thường thích ở đời.

- Sở giải khác: Duyên giác chỉ quán pháp mười hai duyên, ngộ hiểu sinh không (nhân không). Bồ-tát quán khắp tất cả các pháp, hiểu đủ hai không.

- Khởi hành khác: Duyên giác chỉ tu đạo tự lợi. Bồ-tát vừa lợi mình, vừa lợi người. Lại nữa, Bồ-tát tu hành sáu độ, Duyên giác không tu.

- Dứt chướng khác: Duyên giác chỉ dứt chướng phiền não, Bồ-tát hai chướng đều dứt. Nghĩa hai chướng rộng như trên đã nói.

- Đắc quả khác: Duyên giác chính đắc Duyên giác, Bồ-tát hay khéo có đại Bát-niết-bàn. Nghĩa Niết-bàn Tiểu - Đại như ở sau sẽ giải thích:

- Khởi hóa khác: Như Niết-bàn nói: Duyên giác giáo hóa người chỉ hiện thần thông; suốt ngày chỉ làm thinh không giảng nói. Bồ-tát không như vậy, có khả năng hiện, có khả năng nói.

Vì sao Duyên giác không thể nói pháp?

Vì Duyên giác ra đời không có chín bộ kinh, không thể giảng nói. Lại nữa, Duyên giác không có phương tiện từ bi nên không thể nói. Vì không bi nên không khởi tâm nói, không có Bốn vô lượng phương tiện nên không kham nổi việc nói pháp.

- Thông dụng khác: Như trong nghĩa “sáu thông” ở sau sẽ nói rộng.

- Thể nghĩa khác: Duyên giác có thân, trí, công đức đều vô thường, khổ, vô ngã, bất tịnh. Bồ-tát chân đức thường, lạc, ngã, tịnh. Lại nữa, Niết-bàn Duyên giác được chỉ có lạc, tịnh mà không có ngã, thường. Niết-bàn của Bồ-tát có cả thường, lạc, ngã, tịnh.

Mười loại này cũng khác Thanh văn, nhưng nay hãy nói theo Duyên giác.

Duyên giác như thế.

- GIẢI THÍCH BỒ TÁT

Ở đây chia làm ba môn:

- Giải thích tên gọi.
- Phân biệt Đối với tiểu.
- Phân biệt ngay tướng.

- Giải thích tên gọi:

Bồ-tát là tiếng Phạm, gọi đúng là Bồ-đề-tát-đoả. Người truyền đến xứ này dưới “Bồ” bỏ bớt “đề”, dưới “Tát” bỏ bớt “đoả” nên nói là Bồ-tát. Bồ-đề, Hán đây dịch là Đạo, tát-đoả Hán dịch là Chúng sinh. Vì người này trong tâm cầu đạo, có đạo hạnh, dùng đạo thành tựu cho người gọi là Đạo chúng sinh.

Hỏi: Thanh văn, Duyên giác đều cầu đạo, cùng có đạo hạnh, đồng dùng đạo để thành tựu. Vì sao mà không gọi là Bồ-tát mà chỉ gọi người này là Bồ-tát?

Đáp: Hiền Thánh tên gọi có thông, có cuộc. Thông thì nghĩa bằng nhau. Nên Kinh Niết-bàn nói: Cho đến Tu-đà-hoàn cũng gọi là Bồ-tát; cũng được gọi là Phật, vì tìm cầu tận trí, trí đạo vô sinh nên gọi là Bồ-tát; tìm cầu chánh giác cộng đạo, bất cộng đạo nên nói là Phật. Nhưng Kinh vì muốn phân biệt Hiền Thánh, cho nên chỉ gọi chúng sinh Đại Thừa là Bồ-tát.

Cùng là Hiền Thánh, vì sao chỉ gọi đây là Bồ-tát?

Giải thích có ba nghĩa:

Giải thích theo tâm nguyện so với quả:

Chỉ có chúng sinh này cầu đại Bồ-đề, ngoài ra đều không cầu. Cho nên chỉ gọi đây là Đạo chúng sinh. Nên Địa luận nói: Người một lòng hướng thượng quyết định nguyện đại Bồ-đề, được gọi là Bồ-tát. Đây là giải thích theo tâm nguyện so với quả.

Để giải thích căn cứ tâm hiểu biết so với lý:

Phàm phu chấp có, Nhị Thừa chấp không, có và không đều trái với trung dung, không hội được Trung đạo. Chỉ có Bồ-tát khéo xả có lẫn không, khéo hội Trung đạo. Cho nên, chỉ gọi đây là Đạo chúng sinh.

Giải thích theo hạnh:

Vào trong Phật pháp có ba môn: Giáo, nghĩa và hạnh. Giáo cạn, nghĩa sâu và hạnh hơn hết. Thanh văn độn căn, theo giáo được tên. Thanh là giáo, nghe tiếng ngộ hiểu gọi là Thanh văn. Duyên giác khá hơn, theo nghĩa đặt tên gọi là Duyên giác. Duyên nghĩa, nhờ duyên mà được giác nên gọi là Duyên giác. Bồ-tát cao hơn hết theo hạnh để nêu tên. Vì thành tựu đạo tự lợi, lợi tha đều lợi, nên gọi là Bồ-tát. Nên Địa Trì (quyển 7, quyển 8) nói: Thanh văn, Duyên giác chỉ có thể tự độ, Bồ-tát không như thế, tự độ độ tha nên gọi là đạo cao siêu. Vì đạo cao quý nên gọi là Đạo chúng sinh.

Danh nghĩa như thế.

- Phân biệt Đối với Tiểu:

Bồ-tát có hai:

- Tiệm nhập.

- Đốn ngộ.

Tiệm nhập: Trước Tiểu, sau Đại.

Hỏi: Người này lúc nào nhập Đại?

Đáp: Trong Tiểu có hai hạng người: Người ngu pháp và người bất ngu pháp. Chấp Tiểu, mê Đại gọi là người ngu pháp. Biết Tiểu, hiểu Đại gọi là người không ngu pháp. Xưa nay tu tập Tiểu thừa, tánh Tiểu thành tựu. Ở thân cuối cùng gặp Phật, ưa thích Tiểu thừa. Phật y theo đó mà nói pháp cho chứng đắc Tiểu quả. Đắc rồi mê đắm không thể nhập Đại, ở vị lai sau khi vào Niết-bàn vô dư, lúc tâm tưởng sinh mới hưởng Đại được kiếp số dài lâu không thể tính kể. Người không ngu pháp ở đời quá khứ từng phát tâm Đại thừa, nhưng vì trôi lăn trong sinh tử nên quên mất niệm cũ, tạm ưa pháp Tiểu thừa. Phật y theo đó nói cho chứng được Tiểu quả. Được Tiểu quả rồi, tự biết hữu dư, phát tâm hưởng Đại. Ở đời hiện tại có khả năng nhập Đại thừa.

Hỏi: Những người đã nhập Đại thừa, ở trong Đại thừa được xếp vào giai vị nào?

Kinh không nói nhất định, chỉ theo nghĩa suy ra ứng ở đường lành. Trong Đại thừa từ sau mới phát tâm đến Chủng Tánh đều gọi là đường lành (Thiện thú). Nhị thừa nhập Đại ở tại giai vị này.

Làm sao biết được không phải Thiện thú trở xuống?

Trong Kinh Niết-bàn nói: Thiện thú trở xuống gọi là thường đắm chìm. Thường đắm chìm trong ba đường, thường chìm trong ba cõi. Ở đây chẳng phải thường đắm chìm, nên biết chẳng phải mê đắm đường lành.

Làm sao biết được không phải sau đường lành mà thuộc về vị Chủng tánh. Địa Trì nói: Bồ-tát Chủng Tánh, sáu nhập (sáu căn) lanh lợi, từ vô thủy pháp vốn như vậy. Người này chưa thể hiện pháp tánh xưa để thành tựu sáu nhập. Nên biết chẳng phải là Chủng Tánh trở lên. Lại nói, Chủng Tánh thành tựu pháp bạch tịnh chân thật. Người này chưa thành. Lại nói, Chủng Tánh đã thành tựu tánh sáu độ. Người này chưa được. Lại nói, bậc Chủng tánh tất cả hạt giống Phật pháp ở tại thân. Người này chưa đủ. Lại nói, bậc Chủng Tánh hai chướng đã thanh tịnh, người này chỉ có thể tịnh được chướng phiền não. Bồ-tát Chủng Tánh có khả năng làm chỗ nương cho chúng sinh. Người này chưa được. Lại nói, Chủng tánh tùy theo pháp được nghe mà tự khai mở, hiểu biết, không

do người khác mà ngộ. Người này do người khác, cho nên biết được chẳng phải từ bậc Chứng Tánh trở lên, chỉ ở tại đường lành.

Hỏi: Những người này đã ở tại đường lành. Trong hai thứ tử, thì thọ sinh tử nào?

Đáp: Tu-đà-hoàn đến A-na-hàm, thọ sinh tử phần đoạn, A-la-hán, Bích-chi thọ sinh tử Biến dịch. Như Kinh Thắng-man nói.

Hỏi: Thắng-man nói Bồ-tát Đại-lực trên Chứng tánh thọ sinh tử Biến dịch. A-la-hán, Bích-chi thọ sinh tử Biến dịch đồng với Đại lực, vì sao không cho là Chứng Tánh trở lên?

Đáp: Người này tuy thọ Biến dịch đồng vì Đại lực nhưng có nhiều nghĩa khác nhau, nên chẳng phải Chứng Tánh.

Hỏi: Nhị thừa phát tâm cầu Đại thừa gọi là Bồ-tát, như thế Bồ-tát ở tại đường lành thọ thân Biến dịch. Trong Kinh Thắng-man vì sao chỉ nói Bồ-tát Đại lực từ Chứng Tánh trở lên thọ sinh tử Biến dịch, không nói đường lành thọ Biến dịch?

Đáp: Nói Đại có hai môn:

- *Môn Phân tướng*: Chia Đại khác Tiểu, chỉ Bồ-tát Đại lực trên Chứng Tánh thọ thân biến dịch. Từ đó trở xuống đều gọi là phần dứt. Thanh văn, Duyên giác tuy phát tâm Đại thừa cũng chưa có đại hạnh vẫn gọi như cũ, không gọi là Bồ-tát thọ biến dịch.

- *Môn Nhiếp tướng*: Nhiếp Tiểu thành Đại. Ở trong bậc Thanh văn, Duyên giác kia, người phát tâm Đại thừa đều gọi là Bồ-tát. Nếu theo nghĩa này, trong vị đường lành cũng thọ Biến dịch, chẳng phải chỉ Chứng Tánh trở lên mới thọ. Kinh Thắng-man nói Đại lực trở lên thọ sanh tử Biến dịch là nói theo môn phân tướng, vì đối với Thanh văn, Duyên giác kia.

Hỏi: Nhị thừa phát tâm hướng Đại đã ở tại đường lành. Ở tại đường lành là ở lúc đầu, lúc giữa hay rốt ráo?

Đáp: Người này khác nhau với cực phạm. Người mới phát tâm cũng không được gọi là bậc thượng trong đường lành.

Làm sao biết được?

Như Kinh Niết-bàn (Bản Nam quyển 19) nói: Người Tu-đà-hoàn tám muôn kiếp mới đến; người Tư-đà-hàm sáu muôn kiếp mới đến, Bạc A-na-hàm bốn muôn kiếp mới đến; người A-la-hán hai vạn kiếp mới đến; người Bích-chi-phật mười ngàn kiếp mới đến. Kinh nói “đến” là đến tâm Vô thượng Bồ-đề, lẽ ra nên gọi tâm của hạng Chứng Tánh địa kia là chỗ đến tâm Bồ-đề. Cách Chứng tánh địa kiếp số như thế, biết rõ chẳng phải là bậc thượng trong đường lành.

Hỏi: Tất cả bậc Tu-đà-hoàn đến Bích-chi-phật hưởng về Chủng Tánh địa đều phải tám muôn kiếp đến mười ngàn kiếp, hay có người không đến?

Đáp: Hiện tại người bất ngu pháp phát đại tâm tu học Đại thừa thì trải qua kiếp số như thế được đến Chủng Tánh. Nếu người ngu pháp giữ Tiểu diệt, không thể tính kể, ở trong Niết-bàn qua số kiếp bằng cát bụi, sau đó tâm tưởng lại sinh. Tâm tưởng sinh rồi phát tâm hưởng Đại thừa. Sau khi hưởng Đại, bậc A-la-hán thêm hai muôn kiếp tu học về Đại thừa mới đến Chủng Tánh; Bích-chi-phật thêm mười ngàn kiếp tu học Đại thừa mới đến Chủng Tánh. Vì nghĩa này nên không phải tất cả mọi người đều tám muôn kiếp.

Hỏi: Tu-đà-hoàn bảy lần thọ sinh trên cõi Trời, trong loài người mới đến quả A-la-hán, bảy lần thọ sinh không quá một kiếp, vì sao hưởng đến Đại thừa phải xuống bậc như thế?

Hoặc cho Bậc Thánh thì phải giáng cấp.

Lại giải thích thêm: Nếu bậc Tu-đà-hoàn v.v... tiến dứt kiết sử còn sót lại, đến quả A-la-hán. Sau đó hưởng Đại thừa thì chỗ thọ không nhiều. Người mà không dứt kiết thêm thì hưởng Đại có sự giáng cấp này. Các tàn kiết còn lại sẽ làm chướng tất cả hạnh đức pháp giới. Tất cả các hạnh đều khó thành cho nên nhập từ từ như thế.

Đốn ngộ: Không từ Tiểu vào, một đời học Đại thừa.

Hỏi: Người này không từ Tiểu thừa vào, tu các hạnh gì sẽ trị tội chướng nhập được Đại thừa?

Như Kinh Niết-bàn nói, nghĩa là tu tập thân giới tâm tuệ. Vì tu như thế cho nên sẽ chuyển tội chướng hưởng về Đại thừa. Thân giới tâm tuệ có tám lần, rộng như trên đã nói.

Hỏi: Người này phát những tâm gì mà gọi là vào Đại thừa?

Phát ba thứ tâm:

Tâm nhằm chán hữu vi, nghe nói sinh tử vô thường rất khổ, thâm tâm chán lìa.

Tâm mong cầu vô vi, nghe nói Niết-bàn thường, lạc, ngã, tịnh, thâm tâm nguyện cầu.

Tâm nhớ nghĩ chúng sinh, vì duyên chúng sinh có khổ, không vui, quyết tâm cứu giúp.

Hỏi: Người này tu những hạnh gì gọi là học Đại thừa?

Tu ba thứ hạnh:

Hạnh lìa hữu vi, tu tập thật quán phá lìa sinh tử.

Hạnh hưởng về vô vi, tu hành sáu độ hưởng đến Đại Niết-bàn.

Hạnh độ chúng sinh, tu hành bốn nhiếp pháp v.v... lợi ích tất cả.

Hỏi: Người thuộc hai thứ tiệm, đốn đều ở tại đường lành, người nào cao hơn?

Đáp: Không nhất định. Người từ Tiểu thừa vào, hạnh chán hữu vi hơn, vì đã tu tập sẵn; hai loại kia không bằng; vì vốn học Tiểu, tâm rộng lớn khó thành tựu. Người đốn ngộ thì hai thứ hạnh cầu Phật, hóa độ chúng sinh hơn, vì chuyên ý cầu Phật, độ chúng sinh, còn nhàm chán hữu vi thì không bằng, vì thường nguyện ở tại hữu vi để giáo hóa chúng sinh, không chuyên về chán lìa, cho nên người này ở trong đường lành thọ sinh tử Phần đoạn, chưa thọ Biến dịch.

Hỏi: Những người này tại Đường lành đều có sự hơn kém, có chỗ nào có thể bằng nhau?

Đáp: Chủng Tánh trở lên, các hạnh đều thành mới có thể quyết định làm hạt giống Phật.

Đối Tiểu như thế.

- Phân biệt theo Đại thừa, ngay tương:

Trong đây, trước là phân biệt theo chung, sau là phân biệt theo tương tương riêng.

Trong chung, khai hợp số tăng thêm để nói:

- Hoặc chung thành một: Là một chúng Bồ-tát trong Ba thừa.

- Hoặc chia làm hai. Có hai môn:

Chia ra hai môn Định và bất định: Như luận Địa Trì nói: Bồ-tát Đường lành có số thối, số tiến gọi là Bất định. Chủng Tánh trở lên vững chắc tiến tới gọi là quyết định.

Phân biệt đối với tướng Thế gian - Xuất thế gian: Giải Hạnh trở xuống gọi là Thế gian, sơ địa trở lên gọi là Xuất thế gian.

Lại nữa, Địa Tiên gọi là Tín địa, Sơ địa trở lên gọi là Chứng địa. Lại, trong Kinh Nhân Vương, Địa tiên gọi là Hiền, Địa thượng gọi là Thánh.

- Hoặc chia làm ba: Ngoại phàm, Nội phàm và Thánh. Trong vị Đường lành gọi là Ngoại phàm, Chủng Tánh trở lên gọi là Nội phàm, Địa thượng gọi là Thánh. Trong đây chia làm tám môn:

1. Giải thích danh nghĩa.
2. Phân biệt theo giải tâm.
3. Phân biệt theo giải pháp.
4. Phân biệt theo giải duyên.
5. Phân biệt theo hạnh.
6. Phân biệt theo hoặc.

7. Phân biệt theo nghiệp.

8. Phân biệt theo báo.

1. Giải thích danh nghĩa:

Ngoại phàm: Hàng Đường lành hướng ra bên ngoài cầu lý, chưa thể dứt tướng, duyên theo chân tánh bên trong, nên gọi là Ngoại. Sau đường phần đoạn, thân phàm chưa bỏ nên gọi là Phàm. Như trong Tiểu thừa, niệm xứ trở xuống nương sự theo quán, đồng với ngoại đạo nên gọi là ngoại phàm, Ở đây cũng như thế, hướng ngoại cầu lý đồng với Thanh văn, chưa thể dứt tướng, trong cầu chân thật nên gọi là Ngoại.

Nội phàm: Chủng Tánh trở lên dần dần dứt duyên, trong cầu chân tánh nên gọi là Trong. Phần dứt trong sáu đường, tuy phần dứt lìa mà chưa có chỗ sạch hết, thân phàm chưa hết nên cũng gọi là Phàm. Nên trong Kinh Niết-bàn gọi là Phàm.

Thánh: Sơ địa trở lên, dứt vọng khế hợp chân, thể hội chánh gọi là Thánh.

Danh nghĩa như thế.

2. Chia ba vị theo giải tâm:

Tâm có ba loại:

- Sự thức tâm: Sáu thức.
- Vọng thức tâm: Thức thứ bảy.
- Chân thức tâm: Thức thứ tám.

Trong vị Ngoại phàm, chỉ nương sự thức tu tập quán giải, chưa có nghĩa khác.

Trong vị Nội phàm, sự thức diệt dần, trong vọng thức, tuệ đã dần hiện tiền.

Sơ Địa trở lên, tuệ trong vọng thức đã dứt diệt dần, tuệ trong chân thức đã dần hiện tiền.

3. Chia ba vị theo giải pháp:

Trong vị Ngoại phàm, sự thức chưa mất, ngoài tâm thấy pháp. Trong pháp ngoài tâm suy cầu quán Sát, thấy khổ, vô thường, không, vô ngã v.v... chưa hiểu nghĩa khác.

Trong vị Nội phàm, dứt bên ngoài quay về bên trong, thấy tất cả pháp chỉ từ tâm khởi, ngoài tâm không pháp. Vì thấy ngoài tâm không có pháp khác nên sự thức diệt dần. Thấy tất cả pháp chỉ do tâm khởi nên cái hiểu của thức thứ bảy đã hiện tiền dần. Cái hiểu này hiện thời thấy tất cả pháp chỉ từ vọng tướng do tự tâm hiện, như điều thấy trong mộng đều từ tâm khởi, hoàn toàn không thật có pháp.

Sơ địa trở lên dứt bày hiển chân, thấy tất cả pháp chỉ là Như Lai

Tặng tánh chân thật duyên khởi tập thành, ngoài chân không có pháp, tuy có sự thấy biết mà không phân biệt. Vì không phân biệt nên vọng trí dần dứt, chân đức dần hiện.

Giải pháp như thế.

4. Phân biệt ba vị theo giải duyên:

Pháp được hiểu có chứng, có giáo.

Trong vị Ngoại phạm, đối với giáo pháp của Phật nhờ người khác khai đạo mới ngộ giải được, không thể tự biết, cho nên thuộc về đệ tử bốn y (nương theo bốn việc), đối với pháp thâm chứng chỉ nên tin thuận.

Trong vị Nội phạm, đối với pháp của Phật có khả năng tự khai hiểu, không nhờ người dạy. Nên trong Kinh Hoa Nghiêm nói Thập trụ v.v... theo pháp được nghe liền tự khai mở hiểu biết không từ người khác mà ngộ. Người không do người khác mà tự hiểu nên có khả năng làm chỗ nương đầu tiên. Đối với pháp thâm chứng, riêng cần người khác dạy. Nên trong Địa Trì nói: Dạy dỗ Bồ-tát Sơ nghiệp. Trong luận Địa Kinh nói: Vì tất cả Bồ-tát Tín hạnh nói pháp không thể nghĩ bàn.

Sơ Địa trở lên, đối với các giáo pháp có thể tự giảng nói. Đối với pháp thâm chứng tự có thể chứng biết không nhờ người khác dạy. Nên luận Địa Trì nói: Dù có Phật hay không có Phật đều có khả năng dứt bỏ chướng phiền não và chướng trí tuệ theo thứ lớp.

5. Nói theo hạnh:

Hạnh là sáu độ.

Trong vị Ngoại phạm, tu sáu hạnh ba-la-mật có tướng, tuy có quán “không” chút ít, vì yếu ớt nên không nói.

Trong vị Nội phạm, tu học sáu ba-la-mật phá tướng, quán “không” phá san tham để khởi hạnh bố thí; cho đến quán “không” phá lìa si kiến mà khởi hạnh trí tuệ. Nên Địa Trì nói: Giải hạnh gọi là tu phương tiện Vô tướng.

Sơ Địa trở lên thành tựu sáu ba-la-mật chân thật, cũng gọi là Vô tướng Ba-la-mật vô tướng. Chứng pháp vốn vắng lặng không san, không mắc gọi là Đàn ba-la-mật. Tự tánh thanh tịnh không có các tội cấu gọi là Thi ba-la-mật. Thể không chống trái, phiền não gọi là Nhẫn ba-la-mật. Nhiếp đủ các pháp không hề thiếu sót gọi là Tinh tấn Ba-la-mật. Vắng lặng chẳng động gọi là Thiền ba-la-mật. Không hề chướng ngại gọi là Bát nhã ba-la-mật. Nên trong Địa Trì nói rằng: Sơ địa là tu vô tướng. Nhị địa trở lên rộng tu Vô tướng. Bát Địa trở lên là thành quả Vô tướng.

Hạnh chia như thế.

6. Nói theo hoặc:

Hoặc là năm trụ, trong đây tiến, lùi chia ra bốn nghĩa:

Trong vị Ngoại phạm: Bắt đầu tu vô lậu, dứt bốn Trụ địa.

Chủng Tánh trở lên quán giải thành tựu, dứt kiết thành tánh của bốn trụ địa chánh là địa này.

Sơ địa trở lên thật tuệ sâu sáng, dứt Vô minh địa.

Đường lành tu tập, sự thức vô lậu dứt bốn trụ địa.

Chủng Tánh trở lên tu tập thất thức duyên quán vô lậu dứt vô minh địa.

Sơ địa trở lên tu chân Vô lậu dứt Vô minh địa.

Hỏi: Đường lành dứt bốn trụ địa là hàng phục hay dứt hẳn?

Đáp: Đường lành ban đầu hàng phục, sau dứt hẳn, ở đây làm sao biết? Trong kinh nói rằng: Bồ-tát Đại lực từ Chủng tánh trở lên thọ thân Biến dịch. Biến dịch dùng vô lậu làm nhân, nghiệp nhân Vô lậu khởi trước Chủng Tánh, biết rõ dứt hẳn.

Năm trụ phiền não có cả thô và tế.

Phẩm thô ở Đường lành dứt dần, đến Chủng Tánh thì hết. Vì phẩm thô này hết ở Chủng Tánh nên Địa Trì nói: Bồ-tát Chủng Tánh hai chương thanh tịnh. Lại, Địa Trì nói: Bồ-tát Chủng Tánh lìa phiền não thô, nghĩa như môn này.

Phẩm vừa thì Chủng Tánh trở lên tùy phần dứt dần, đến Sơ địa thì hết. Vì phẩm vừa này đến Sơ địa hết, nên Địa Trì nói: Bồ-tát Sơ địa ra khỏi chương, giải thoát, vô tội thanh tịnh.

Phẩm tế Địa thượng dứt dần đến Phật thì dứt. Vì phẩm tế này Địa tiền chưa dứt. Kinh Niết-bàn nói: Sở y Bồ-tát còn đủ tánh phiền não.

Trong vị Đường lành tu sự vô lậu, dứt bốn trụ địa.

Chủng Tánh trở lên sự trị dứt dần, tu khởi bảy thức, duyên chiếu vô lậu, dứt Vô minh địa.

Sơ địa trở lên duyên chiếu dứt dần, chân đức hiện tiền.

Theo hoặc như thế.

7. Y theo các nghiệp để chia ra ba vị:

Nghiệp có hai loại: Hữu lậu và Vô lậu. Nhân phần dứt gọi là hữu lậu, nhân biến dịch gọi là vô lậu. Trong nghiệp hữu lậu có thiện, có ác. Nhân Trời người gọi là thiện; nhân ba đường gọi là ác. Ác có năm thứ:

- Xiển-đề, nghiệp khởi đại tà kiến dứt gốc lành.
- Báng chánh pháp.
- Năm tội nghịch.
- Phạm trọng cấm.

- Gây mười điều ác.

Nếu tội chung của tất cả oai nghi thì ác có sáu thứ, nghiệp tướng như thế.

Nay y theo bốn nghiệp để phân biệt ba vị. Trong đây tiến, lùi lược có ba nghĩa:

Để chia ba vị nghiêng về nghiệp ác:

Trong vị Đường lành tu nghiệp tịnh tín, là nghiệp Xiển-đề.

Chủng Tánh trở lên giải hạnh thành lập, là hẳn ba nghiệp ác là phỉ báng chánh pháp, bốn trọng cấm, và năm tội nghịch.

Sơ địa trở lên hạnh đức thuần thiện là mười nghiệp ác, là ác của tất cả oai nghi.

Phân biệt đối chung thiện, ác:

Hai nghiệp thiện, ác có hệ và không hệ (buộc).

Đường lành tu tập thân, giới, tâm, tuệ, chuyển nặng thành nhẹ, định hệ dứt lia nghiệp ba đường.

Chủng Tánh trở lên năng lực bi nguyện thành tự, qua lại tự tại định hệ dứt lia nghiệp trời, người.

Sơ địa trở lên đức hạnh thuần tịnh, là hẳn nghiệp hệ bất định của trời, người.

Cũng có thể là Bát địa trở lên mới là nó.

Phân biệt đối chung nghiệp lậu, vô lậu.

Đường lành tu tập, thân, giới, tâm, tuệ, dứt nghiệp ba đường.

Chủng Tánh trở lên tu đạo vô lậu dứt dần nghiệp phần dứt của trời, người.

Sơ địa trở lên chân đức hiện dần dứt nghiệp biến dịch.

Theo nghiệp như thế.

8. Nói theo báo:

Báo là quả phần dứt và biến dịch.

Trong quả phần dứt: Có thiện, có ác. Trong đây chia làm hai nghĩa:

Phân biệt nghiêng về sinh tử phần dứt. Phần dứt có hai:

Đường Ác phần dứt là ba đường ác.

Đường lành phần dứt là trời, người.

Đường Ác phần dứt có chính, có tập, nghiệp Ác làm nhân, bốn trụ làm duyên sinh ba đường ác gọi là chính, nghiệp Ác làm nhân, bi nguyện làm duyên, sinh ba đường ác gọi là tập.

Chánh trong đường ác, đường lành trở xuống, là chỗ “Thường đắm chìm” thọ, đường lành dứt dần đến Chủng Tánh thì dứt.

Tập trong đường ác, Chủng Tánh trở lên lần lượt dứt trừ đến Sơ địa thì hết. Sơ địa hết nghiệp này, lia mỗi sợ đường ác.

Đường lành phần dứt cũng có chính, có tập. Thiện Nghiệp lành làm nhân, bốn trụ làm duyên thọ thân trời, người, gọi là chính. Nghiệp lành làm nhân, bi nguyện làm duyên thọ thân trời, người, gọi là Tập. Chính trong đường lành là chỗ ngoại phàm thọ, Chủng Tánh dứt dần đến Sơ địa thì hết. Sơ địa hết nghiệp này gọi là ra khỏi ba cõi. Lại, Kinh nói rằng: Bồ-tát Sơ Địa được hai mươi lăm Tam-muội, phá hai mươi lăm cõi, cũng tương đương môn này. Tập trong Thiện phú, Địa thượng dứt dần, trên Bát địa thì dứt. Thất địa trở xuống dứt chưa hết, nên Luận Đại Trí Độ gọi là thân, Bát địa trở lên dứt hết tập này nên gọi là Pháp thân.

Để phân biệt chung phần dứt và biến dịch:

Theo tướng, phần thô trong Thiên phú vị thọ thân phần đoạn.

Người từ Tiểu thừa vào thì ở trong Thiện phú cũng thọ biến dịch, vì ít nên không nói.

Chủng Tánh trở lên xả dần phần dứt, thọ báo biến dịch.

Sơ địa trở lên xả dần biến dịch, được báo Pháp thân.

Ba vị như thế.

- Có chỗ chia làm bốn. Địa Trì nói rằng: Chủng Tánh, Phát tâm và Hành phương tiện là ba loại, thêm Đường lành là bốn.

Lại, theo Đại Phẩm nói Năm Bồ-đề, trong Bồ-đề thì bốn loại ở Bồ-tát, cũng được chia làm bốn. Năm Bồ-đề là:

Bồ-đề Phát tâm, ở tại Đường lành. Luận (Đại Trí Độ quyển 53) tự giải thích: Ở trong biển sinh tử vô lượng phát tâm Bồ-đề, cho nên gọi là Bồ-đề Phát tâm.

Bồ-đề Phục tâm, ở giai vị Chủng Tánh, Giải hạnh tu tập phục nhân, nên gọi là Phục tâm.

Bồ-đề Minh: Sơ địa trở lên cho đến Lục địa, trí tuệ Bát-nhã sáng suốt gọi là Bồ-đề Minh.

Bồ-đề Xuất đạo: Thất địa trở lên xuất ly các tướng, đến Vô sinh nhân, nên gọi Xuất đạo.

Bồ-đề Vô thượng: Như Lai địa, không còn thể thêm nên nói vô thượng. Rộng như trên đã nói.

- Có chỗ chia làm năm:

- Thiện phú là một, hiểu và tu tập tịnh tín. Trong Kinh Anh Lạc gọi là Thập Tín.

- Tập chủng là hai, tu tập tịnh giải. Nên Kinh Hoa Nghiêm nói:

Tùy pháp được nghe liền tự khai mở, hiểu biết không do người khác mà ngộ.

- Tánh chủng là ba, khởi tu chánh hạnh. Trong Kinh Hoa Nghiêm gọi là Thập Hạnh.

- Giải hạnh là bốn, cũng gọi là Đạo chủng, tu tập quán Như.

- Thập Địa là năm, cũng gọi là Thánh chủng, thành tựu thật chứng.

- Có chỗ chia làm sáu:

Bốn loại trước như trên. Sơ địa trở lên chia ra thành Kiến và Tu, nên có sáu loại.

- Hoặc chia làm bảy. Như Địa Trì nói:

Thiện phú là một.

Chủng Tánh trở lên đến Lục trụ là sáu, hợp thành bảy Lục trụ là:

1- Chủng tánh trụ, là Tập chủng

2- Giải hạnh trụ

3- Tịnh tâm trụ, là Sơ địa,

4- Hành tích trụ, là Nhị địa trở lên

5- Quyết định trụ, là Bát địa trở lên,

6- Tất cánh trụ, là Địa thứ mười.

Nghĩa như trên đã giải thích.

- Có chỗ chia làm tám:

Tám có hai môn:

Khai trước hợp sau, để nói tám loại:

Hạnh Sơ phát tâm: Mới ngược sinh tử, vừa phát đạo tâm.

Hạnh Hữu tướng: Nương phát tâm trước khởi tu sáu ba-la-mật có tướng. Lúc tu hạnh này, thấy người làm lành thì liền vui mừng, thấy người tạo tội thì ghét bực.

Hạnh Vô tướng: Học quán lý Không, ở trong sinh tử không thấy chán; ở trong Niết-bàn không thấy đáng cầu. Lúc tu hạnh này thấy người tạo tội tâm không lo lắng, thấy người làm lành cũng không hơn hờ.

Hạnh Phương tiện: Tuy quán lý Không mà thường tùy theo hữu tình nhóm các hạnh.

Bốn hạnh này ở giai vị Đường lành.

Tập chủng là năm.

Tánh chủng là sáu.

Giải hạnh là bảy.

Sơ Địa trở lên, Thánh chủng là tám.

Để nói về tám loại khai sau hợp trước:

Thiện phú là một.

Chủng Tánh trở lên đến Thất địa là bảy, cộng với trước là tám.

Bảy địa là: Như luận Địa Trì nói:

1. Địa Chủng tánh.

2. Địa Giải hạnh.

3. Địa Tịnh tâm.

4. Địa Hành tích.

5. Địa Quyết định: Là địa thứ tám.

6. Hạnh Quyết định: Cứu địa. Nương quyết định trên hưởng thưởng mà cầu gọi là hạnh Quyết định.

7. Địa Tất cánh: Thập địa.

Nghĩa này như trong chương “Thất Địa” ở trước phân biệt, rộng.

- Hoặc chia làm chín: Trong tám loại kể trên, chia Chủng Tánh làm hai, là chín.

- Hoặc nói mười. Như Kinh Niết-bàn nói:

Mới phát tâm, bắt đầu trong Thiện phú.

Phát tâm Bồ-đề ở chỗ Phật bằng số cát sông Ni-Liên; có thể ở đời ác không hủy báng chánh pháp. Sông Ni-Liên là một trong bốn con sông thuộc sông Hằng. Ở trong sông này, một hạt cát là một vị Phật, ở chỗ từng ấy Phật mà phát tâm Bồ-đề, mới có thể ở đời ác không hủy báng chánh pháp.

Ở chỗ Phật nhiều như số cát của một sông Hằng mà phát tâm, ở trong đời ác yêu thích chánh pháp không hủy báng đồng với trên. Hằng hà là sông Ganges. Các kinh dịch cũ thường gọi là Giang hà. Ở trong sông này, một hạt cát là một vị Phật, ở bấy nhiêu Phật ấy mà phát tâm, mới có thể ở đời ác ưa thích Đại thừa, nghe kinh này mà không phỉ báng.

Người phát tâm ở chỗ Phật bằng số cát hai sông Hằng, có thể ở đời ác ưa thích Đại thừa, đọc tụng thọ trì chưa thể giải thích.

Người ở chỗ Phật bằng ba số cát sông Hằng mà phát tâm, trong đời ác yêu thích Đại thừa, đọc tụng thọ trì, nói cho người khác chút ít, chưa hiểu nghĩa sâu.

Người ở chỗ Phật bằng cát bốn sông Hằng phát tâm Bồ-đề, trong đời ác yêu thích Đại thừa, thọ trì đọc tụng, giảng nói, cho người nghe, trong mười sáu phần hiểu được nghĩa một phần.

Hiểu những nghĩa nào?

Như kinh Niết-bàn nói là hiểu Phật tánh Như Lai thường trụ.

Mười sáu phần là:

Trong Kinh Đại Niết-bàn tùy nghĩa cạn sâu, Như Lai chia thành mười sáu phần. Người thứ sáu này mới được một phần.

Sáu người trên đây đều ở tại Thiện phú, đều thuộc về Tứ y Đệ tử.

Người thứ bảy gọi là phàm phu còn đủ tánh phiến não, ở chỗ Phật bằng số cát của năm sông hằng phát tâm Bồ-đề, trong đời ác có thể giảng nói Đại thừa. Mười sáu phần hiểu được nghĩa tám phần. Đây là tại vị Chứng Tánh, Giải hạnh.

Người thứ tám gọi là Tu-đà-hoàn và Tư-đà-hàm, phát tâm Bồ-đề ở chỗ Phật bằng số cát của sáu sông Hằng. Ở trong đời ác có thể nói Đại thừa, mười sáu phần hiểu được nghĩa mười hai phần, vị ở tại Sơ địa cho đến Thất địa.

Người thứ chín gọi là A-na-hàm, phát tâm Bồ-đề ở chỗ Phật nhiều bằng bảy số cát sông Hằng. Ở trong đời ác có thể nói Đại thừa, mười sáu phần hiểu nghĩa được mười bốn phần. Đây là ở Bát địa, Cửu địa.

Người thứ mười gọi là A-la-hán, trông các gốc lành ở chỗ Phật nhiều bằng số cát của tám sông Hằng; ở trong đời ác thọ trì đọc tụng, biên chép, giải thích kinh điển Đại thừa. Nghĩa mười sáu phần đều hiểu đầy đủ. Vị ở tại Thập địa.

Những người này được nghĩa cạn sâu như trong chương Tứ y có phân biệt rộng.

- Hoặc chia làm mười một:

Địa tiền là một, gọi chung là Tín địa.

Địa thượng là mười.

- Hoặc chia làm mười hai:

1. Ngoại phàm. 2- Nội phàm.

Đây Đủ như trên đã nói. Địa thượng chia mười, cộng thành mười hai.

- Có chỗ chia làm mười ba:

Thiện phú là một. Chứng tánh là hai. Giải hạnh là ba.

Thập Địa là mười, hợp thành mười ba.

- Có chỗ chia làm mười bốn:

Thiện phú là một. Tập chủng là hai. Tánh chủng là ba. Đạo chủng là bốn.

Thập địa là mười, hợp thành mười bốn.

- Có chỗ chia làm mười lăm:

Trong mười bốn loại trên, chia địa thứ mười thành hai là Pháp Vân

và Đẳng Giác. Thập địa cuối cùng hiện bằng với Phật, nên gọi là Đẳng Giác, chưa phải Chứng đồng.

- Có chỗ lại chia thành bốn mươi mốt:

Đường lành là một. Thập trụ, Thập hạnh và Thập hồi hướng cùng Thập địa là bốn mươi mốt.

Thập trụ: Như Kinh Hoa Nghiêm nói:

Trụ Phát tâm: Đối với Đại Bồ-đề khởi ý hướng cầu.

Trụ Trị địa: Khéo tu đạo tự lợi, lợi tha.

Trụ Tu hành: Tu hộ phiền não, hộ hạnh Tiểu thừa.

Trụ Sinh quý: Trong Thánh pháp sinh Chứng tánh tôn quý.

Trụ Phương tiện: Hạnh đầy đủ khéo léo độ chúng sinh.

Trụ Chánh tâm: Được trí quyết định. Đối với Phật pháp tuy nghe thuyết khác mà chánh kiến bất động.

Trụ Bất thối: Tuy nghe thuyết khác mà chánh nguyện bất động.

Trụ Đồng chân: Hạnh nghiệp thanh tịnh như đứa bé ở thế gian trong sạch không nhiễm.

Trụ Pháp Vương tử: Trụ vào sở hành của Phật Pháp Vương sinh ra chánh trí; có khả năng kham nhận Vô thượng Bồ-đề rất ráo.

Trụ Quán đảnh: Hành tu thuận lên, trí Phật hiện tiền.

Đây là mười Tập chủng như Kinh Anh Lạc nói.

Thập hạnh: Như Kinh Hoa Nghiêm nói:

Hạnh Hoan hỉ: Tâm vui vẻ hành bố thí, cũng khiến người khác vui.

Hạnh Nhiều ích: Tu trì tịnh giới, lợi ích mình và người.

Hạnh Vô nhuế hận: Tu nhẫn lìa sân hận.

Hạnh Vô tận: Siêng tu tinh tấn nhiếp thiện vô tận.

Hạnh Ly si loạn: Thường tu định tuệ, lìa vọng phân biệt.

Hạnh Thiện hiện: Thật tướng các Quán pháp, Bát-nhã hiện tiền.

Hạnh Vô trước: Hạnh dụng tâm không dính mắc để khởi tu.

Hạnh Tôn trọng: Thành tựu nhiều thứ gốc lành cao siêu.

Hạnh Thiện pháp: Thành tựu nhiều thứ pháp lành giáo hóa người.

Hạnh Chân thật: Thành tựu lời chân thật bậc nhất, y như lời dạy thể làm theo, lời nói đúng như việc làm.

Đây là mười loại Tánh chủng như Kinh Anh Lạc nói.

Thập hồi hướng, như Kinh Hoa Nghiêm nói:

Hồi hướng cứu hộ nhất thiết chúng sinh ly chúng sinh tướng: Bồ-tát tu hành sáu ba-la-mật che chở chúng sinh, khiến lìa tất cả nghiệp

khổ phiền não, an trụ Bồ-đề gọi là cứu chúng sinh. Dùng tâm bình đẳng cứu giúp không kể oán thân, thiện ác v.v... khác nhau, gọi là lia tướng chúng sinh. Hồi hướng gốc lành này có chỗ hướng về gọi là “hồi hướng Cứu chúng sinh ly chúng sinh tướng”.

Bất hoại hồi hướng: Đối với Phật, Bồ-tát và tất cả pháp được lòng tin không hoại gọi là bất hoại. Hồi hướng gốc lành này có chỗ hướng về gọi là “hồi hướng Bất hoại”.

Đẳng nhất thiết Phật hồi hướng: Kinh nói Bồ-tát học việc hồi hướng của tất cả chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai gọi là “hồi hướng Đẳng nhất thiết Phật”.

Chí nhất thiết xứ hồi hướng: Tất cả gốc lành mà Bồ-tát tu được dùng để hồi hướng.. nhờ sức hồi hướng khiến gốc lành này đến tất cả chỗ. Ví như Thập thế không đâu chẳng đến gọi là “Chí nhất thiết xứ”.

Đến những chỗ nào?

Nghĩa là đến ở chỗ Phật, Pháp, Tăng cúng dường vô tận; đến chỗ tất cả hạnh tu tập đầy đủ, đến chỗ tất cả quả thành mãn đầy đủ, đến chỗ tất cả cõi Phật trang nghiêm đầy đủ, đến chỗ tất cả chúng sinh nhiếp hóa đầy đủ, đến chỗ tất cả pháp hiểu biết đầy đủ như thế v.v...

Hồi hướng Vô tận công đức tạng: Xoay công đức vô tận mình đã tu có chỗ thú hưởng gọi là “hồi hướng Vô tận công đức tạng”. Lại nữa, nguyện cầu công đức vô tận của chư Phật, Bồ-tát có thể thành gốc lành công đức vô tận cũng gọi là “hồi hướng Vô tận công đức tạng”.

Hồi hướng Tùy thuận nhất thiết vững chắc gốc lành: Xoay gốc lành bố thí v.v... của mình đã tu có chỗ hướng về, được Phật che chở, thành tựu tất cả gốc lành vững chắc, nguyện vững chắc v.v... gọi là “hồi hướng tùy thuận nhất thiết vững chắc gốc lành”.

Hồi hướng Đẳng tâm tùy thuận nhất thiết chúng sinh: Bồ-tát thêm lớn tất cả gốc lành xoay về làm lợi ích bình đẳng cho tất cả chúng sinh, gọi là “hồi hướng Đẳng tâm tùy thuận nhất thiết chúng sinh”.

Như tướng hồi hướng: Các thứ gốc lành Bồ-tát thành tựu đồng chứng như một, xoay gốc lành này có chỗ hướng về gọi là “Như tướng hồi hướng”. Lại nữa, tâm hồi hướng của Bồ-tát nương các môn chân như mà khởi, cho nên cũng gọi là “hồi hướng Như tướng”.

Hồi hướng Vô phược, vô trước, giải thoát: Đối với tất cả pháp tâm không chấp trước gọi là vô phược, vô trước. Đối với pháp tự tại gọi là giải thoát. Bồ-tát không xem nhẹ tất cả gốc lành. Dùng tâm không trói buộc, không dính mắc, giải thoát, xoay các pháp lành kia cầu hạnh Phổ Hiền, sẽ đầy đủ tất cả đức của Phổ Hiền, gọi là “hồi hướng Vô phược,

vô trước giải thoát”.

Hồi hướng Pháp giới vô lượng: Bồ-tát tu tập gốc lành vô tận kia xoay về nguyện cầu công đức vô lượng khác nhau của pháp giới gọi là “Hồi hướng Pháp giới vô lượng”.

Đây là mười Đạo Chủ như Kinh Anh Lạc nói.

Thập địa:

Địa Hoan hỉ: Thành tựu tự lợi lợi tha vô thượng. Chỗ vừa chứng Thánh sinh nhiều vui mừng nên gọi là hoan hỉ địa.

Địa Ly cấu: Lìa tâm hay khởi lamm lẫn, phạm giới, phiền não cấu v.v..., đầy đủ giới thanh tịnh nên gọi là địa Ly cấu.

Địa Minh: Theo Văn, tư, tu chiếu pháp hiển hiện nên gọi là địa Minh.

Địa Minh diệm: Củi phiền não luống dối bị ánh sáng của trí đốt cháy nên gọi là địa Diệm.

Địa Nan thắng: Được trí xuất thế, có phương tiện khéo léo độ được việc khó độ, gọi là địa Nan thắng.

Địa Hiện tiền: Bát-nhã ở trong, đại trí hiện tiền gọi là địa Hiện tiền.

Địa Viễn hành: Khéo tu hạnh Vô tướng, công dụng rất ráo, sẽ vượt qua đạo thế gian, Nhị thừa, Xuất thế gian gọi là địa Viễn hành.

Địa Bất động: Báo hạnh thuần thực không tướng, không dứt quãng nên gọi là địa Bất động.

Địa Thiện tuệ: Năng lực vô ngại thuyết thành tựu hạnh lợi tha nên gọi là địa Thiện tuệ.

Địa Pháp Vân: Đắc đại Pháp thân đầy đủ tự tại, nên gọi là địa Pháp Vân.

- Có chỗ lại chia làm bốn mươi hai:

Trong địa thứ mười chia ra Đẳng giác, cộng với trước thành bốn mươi hai.

Tùy chia kỹ ra cũng có thể vô lượng.

Giải thích chung như thế.

(2) Giải thích theo “Biệt”:

Giải thích Đường lành:

Theo Kinh Anh Lạc, Trong vị Đường lành tu mười loại tâm gọi là Thập tín.

Tu tín tâm.

Tinh tấn tâm.

Tu niệm tâm.

Tu định tâm.

Tu Tuệ tâm.

Tu giới tâm

Tu xả tâm.

Tu hộ tâm.

Hồi hương tâm.

Tu nguyện tâm.

Tín tâm: Ở chỗ nhập giải, lòng tin thanh tịnh hiện tiền, một lòng quyết định mong muốn thành tựu gọi là Tu Tín tâm.

Tinh tấn: Nghe Bồ-tát tụng siêng năng tu tập, nghiệp lành không đứt quãng gọi là Tinh tấn.

Niệm tâm: Thường tu sáu niệm là niệm Phật, Pháp, Tăng, Giới, Thí và Thiên.

Giải thích rộng như ở trước.

Tu định: Đối với sự, với nghĩa để tâm an trụ, xa lìa tất cả ức tướng phân biệt luống dối thô tháo.

Tu tuệ: Văn, tư, tu: Nghe tụng Bồ-tát rồi suy nghĩ, quan Sát biết tất cả pháp vô ngã, vô nhân, tự tánh vắng lặng.

Tu giới: Thọ trì luật nghi thanh tịnh của Bồ-tát, thân, miệng, ý thanh tịnh, không phạm các lỗi, nếu có phạm thì sám hối dứt bỏ.

Tu xả: Không tiếc thân mạng, tài sản có được, thì xả bỏ.

Tu hộ: Ngăn giữ tâm mình không khởi phiền não, lại phân biệt thêm có năm loại hộ như luận Địa Trì nói:

Mặc hộ: Được trí câu sinh có thể mau chóng nhận pháp, hóa độ chúng sinh.

Niệm hộ: Nhớ giữ đối với pháp.

Trí hộ: Được trí vững chắc, quán Sát pháp nghĩa. Dùng mặc, niệm, trí lìa phần thối, tu phần thắng tiến.

Tức tâm hộ: Giữ các căn môn.

Tha hộ: Thuận theo tâm người, tu hạnh như thế, gọi là Hộ.

Hồi hương: Gốc lành tu được hồi hương về Bồ-đề, không nguyện sinh các cõi; hồi hương cho chúng sinh, không chuyên vì mình; hồi hương cầu thật tế, không dính mắc danh tướng.

Tu nguyện: Lúc nào cũng tu tập các tịnh nguyện, như phẩm Tịnh Hạnh trong Kinh Pháp Hoa nói. Như thế v.v....

Mười loại này ở tại Tín vị, giúp cho thành tựu Tín hạnh. Kinh Anh Lạc gọi là Thập Tín.

Ngoài ra, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hương cùng với Thập

Địa đều như giải thích ở trên.

Hiền Thánh Ba thừa nói sơ như thế.

ĐẠI THỪA NGHĨA CHƯƠNG
QUYỂN 17 (Phần Cuối)